

# PHẬT TỔ THỐNG KỶ

## QUYÊN 26

### XI : TỊNH ĐỘ LẬP GIÁO CHÍ

#### PHẦN 1

(Bảy tổ Liên xã)

1. Thủy Tổ, Lô Sơn Biện Giác Chánh Giác Viên Ngộ Pháp Sư (Tuệ Viễn, đệ tử của Đạo Anh Pháp Sư).
2. Nhị Tổ, Trường An Quang Minh Pháp sư (Sư Thiện Đạo cho là Di-đà hóa thân).
3. Tam Tổ, Nam nhạc Ban-chu Pháp sư (Thừa Viễn).
4. Tứ Tổ, Trường An Ngũ Hội Pháp sư (là hậu thân của Pháp Chiếu Thiện Đạo, đệ tử của Sư Thừa Viễn).
5. Ngũ Tổ, Tân Định Đài Nham Pháp sư (tức Thiếu Khang).
6. Lục Tổ, Vĩnh Minh Trí Giác Pháp sư (tức Vĩnh Thọ).
7. Thất Tổ, Chiêu Khánh Viên Tịnh Pháp sư (tức Tịnh Thường).

Tứ Minh Thạch Chi Hiểu Pháp sư lấy các vị đồng tu tịnh nghiệp có công đức cao tột ở các đời khác nhau để tôn làm bảy Tổ, nên nay tuân theo đó coi Người gương mẫu của Giáo Môn Tịnh Độ.

Với kẻ phàm phu đầy hoặc chướng mà có thể dùng trí Tam Quán để hiển bày Bản tánh Phật, như ngài Tứ Minh Trí nói: Bảo rằng tâm cảnh không được nên từ nhiệm có thể quán tịnh, duyên sinh không ngại, nên tướng thành tướng khởi, duy sắc duy tâm nên hiển hiện tại chỗ, cái chánh quyết quán Phật Tam-muội này chỉ có bậc minh Tông đặc ý mới có thể làm được. Đến như việc xưng niệm danh hiệu, chiêm lễ tôn dung, đọc tụng kinh Đại thừa, phụng trì tịnh giới đều là chánh nhân của Tịnh Nghiệp, trợ hạnh cho Chánh Quán, mà chỉ tu hạnh thập thiện, chỉ người hiền lành nhân từ ở đời cũng có thể dùng làm công đức trang nghiêm hồi hướng. Vậy thời định hay tán, trí hay ngu không có một ai sai sót.

Tuy đăng đài vàng hay bạc, phẩm vào có trên hay dưới nhưng tuyệt nhiên đều thuộc cõi vô sinh bậc bất thoái chuyển cả. Đời mạng pháp môn mê mờ chỉ căn cứ vào hạnh nguyện mà sinh lên An Dưỡng. Từ Lô Sơn đến nay số người được vãng sinh vừa tròn ba trăm, còn những kẻ ở phương xa, cõi khác thì nhiều như hà sa. Thế mới biết kẻ học Phật đạo ở phương này cơ thấp chướng nặng, không thấy có ai thành. Nhưng riêng pháp niệm Phật thì không luận đạo tục đều đủ để làm chứng tín một đời vậy. Nên nay soạn ra Tịnh Độ Lập Giáo Chí sau đây:

**1. PHÁP SƯ TUỆ VIỄN:** - Sư họ Giả, người ở Lô Phiến Nhạn Môn. Thuở nhỏ rất hiếu học, năm mười ba tuổi theo Cậu là lệnh Hồ Thị du học Hứa Lạc, thông suốt Lục Kinh, rất rành Trang Lão. Những hàng Túc Nho đi trước đều khâm phục sự cao đạt của Sư. Đến hai mươi một tuổi, Sư định vượt sông theo học với Phạm Ninh, vừa lúc Thạch Hổ chết đột ngột nên đường đi Nam bị tắt nghẽn, có chí mà không thành. Bấy giờ Sa-môn Thích Đạo An xây cất chùa ở Thái Hành Thường Sơn, Sư một bề kính ngưỡng coi là thầy mình. Lúc đầu nghe An Sư giảng kinh Bát-nhã, sư khoát nhiên đại ngộ, than rằng: Dị luận của hàng cửu lưu đều là trấu lép cả. Bèn cùng em là Tuệ Trì xuống tóc thọ học, chuyên lo phúng tụng suốt cả ngày đêm. Nhân đó tìm thẳng đến đạo tràng của Sa-môn Đàm Dực (vị này là người phương Bắc không phải ở Lô Sơn vào Liên Xã) thường cúng tiền dầu đèn. An Sư nghe biết việc nói rằng: “Đạo sĩ này thật biết người.” Sư có trí sáng vượt trội lại ngầm thông cõi âm. Năm Sư hai mươi bốn tuổi diển giảng thông suốt. Có người khách nghe nói nghĩa thật tướng đến vặn hỏi thì càng thêm nghi hoặc mịt mờ. Sư đem thuyết Trang Tử dẫn giải so sánh thì các nghi liền hết. An Sư nhân đó bảo không nên dẹp bỏ các ngoại điển. Sư thường ở giữa chúng than rằng: “Khiến Đạo lưu hành ở Đông độ ta đâu cần người ở xa.” Về sau Sư theo An Sư sang phía Nam đến Tương dương gặp lúc tướng Tần là Phù Phi làm giặc, bèn phân tán đồ chúng, mạnh ai nấy đi. Hàng Kỳ đức khi đi đều được khuyên bảo, chỉ riêng Sư không nghe dạy lời nào. Sư liền quỳ thưa: “Riêng con không được dạy bảo e rằng không phải loài người?” An Sư đáp: “Được như ông còn lo gì?” Sư bèn cùng các đệ tử mấy mươi người đi về phía nam đến Kinh châu ở chùa Thượng Minh. Nghĩ tình người cũ và bạn đồng môn, Sư và Tuệ Vĩnh cùng cất nhà ở La Phù, đó là năm Thái Nguyên thứ sáu (đời Tấn, Hiếu Võ Đế). Khi đến Tâm Dương, Sư thấy Lô Sơn yên vắng, rộng rãi có thể dùng nơi để an tâm, bèn lập Tinh xá ở đó, nhưng chưa có nước dùng, Sư lấy gậy gõ đất

khẩn rằng: Nếu ở đây được thì khiến đá lũng nước về!” Nói vừa xong thì nước trong phun lên. Lúc đó Tầm Dương có hạn hán, Sư đến bên ao tung kinh Hải Long vương, chợt có Rắn Thần từ ao hiện lên, phút chốc mưa lớn. Vào mùa Thu cuối năm nhân đó gọi là Tinh Xá Long Tuyền. Sư Tuệ Vĩnh trước đó ở Tây Lâm tại Lô sơn muốn đón Sư đến ở, nhưng vì học trò của Sư quá đông, Sư Tuệ Vĩnh liền thưa với Thứ Sử Hoàn Y rằng: Sư Tuệ Viễn mới đến hoằng hóa, nhưng chỗ của bản đạo chật hẹp không thể ở. Lúc đó Sư mộng thấy Sơn Thần thưa rằng: “Núi này đủ để dừng chân, xin ngài đừng đi nơi khác.” Đêm ấy mưa to sấm chớp, sáng ra thì rừng bụi đã trởng trái, đất toàn cát trắng, các loại gỗ quý có vân cũng đầy đất không biết từ đâu đến. Thứ Sử Hoàn Y rất kính nể bèn ra công xây chùa, gọi điện Phật là Thần Vận, vì chùa ở phía Đông của thất Vĩnh Sư nên gọi là Đông lâm, đó là năm Thái Nguyên mười một. Núi này có hình thái chín lớp núi chồng lên nhau, ngọn cao ngút trời, mà chỗ ở thì cảnh rừng núi rất đẹp, lưng tựa ngọn Lư Sơn, bên cạnh có thác nước cao, suối trong uốn lượn quanh thêm, mây trắng vờn quanh mái ngói (theo Lư Sơn Ký - của Ưng Dục Tiên Sinh, đời Ân Chu học đạo Tiên biến động, đá thành quán ở, người gọi là lều Thần tiên, nhân đó gọi là Lô Sơn. Theo Tầm Dương Ký thì núi cao ba ngàn ba trăm sáu mươi trượng, chu vi hai trăm năm mươi dặm, núi cao chín tầng sông cũng có chín mạch. Quận Quốc Chí nói trùng điệp chín tầng mất hút dấu Tiên). Sư cất riêng thiền thất, nơi ở rất yên vắng, những ai đến thăm thì thần khí thanh tiêu. Sư nghe bên Thiên Trúc có hình Phật thuở xưa đang hàng phục độc long mà cảm kích mãi bên lòng. Sau nhân Luật sĩ Gia-xá kể lại tướng hào quang, bèn xây thất tựa lưng vào núi quay mặt ra sông, vẽ trời đậm nhạt trông như khói sương. Sư lại đặt ra năm bài minh khắc vào đá. Thái Thú Giang châu là Mạnh Hoài Ngọc, Biệt Giá Vương Kiều Chi, Thường Thị Trương Dĩ, Tấn An Thái Thú Ân Ân, Huỳnh Môn Mao Tu Chi, Chủ Bạ Ân Úy, Tham Quân Vương Mục Dạ, Hiếu Liêm Phạm Duyệt Chi, Ân Sĩ Tông Bình... đều có làm phú, làm minh khen ngợi (thấy ở Lô Sơn tập). Trước đây thời Tầm Dương Đào Khản là Thứ Sử Quảng châu, ngư dân thấy trên biển có ánh sáng lạ, lưới lên thì được tượng Văn-thù bằng vàng có ghi “Vua A-dục tạo.” Về sau các thương buôn ở Hải Đông (Cao Ly) nhặt được viên quang khi đem đặt vào tượng thì vừa khít. Khản đem tượng dâng lên Võ Xương Hàn, Khê chủ Tăng là Tăng Trân thường đến Hạ Khẩu, đêm mộng thấy chùa cháy mà Tượng và nhà thờ tượng thì có thần bảo vệ. Sư liền chạy về chùa thì quả nhiên chùa cháy mà tượng và nhà thờ vẫn còn. Kịp khi Đào Khản đời

về làm Đô Đốc ở Giang châu, rước tượng đem về nhưng thuyền sắp đến thì bị chìm. Kinh Sở bèn làm bài dao rằng: “Đào có kiếm mạnh, tượng nhờ thần nổi, mây lượn sương đêm, đón gì xa xa, hãy nên chí thành, dùng sức khó mời.” Kịp khi chùa xây xong thì Sư ở trên sông kính thành cầu nguyện. Bỗng tượng nổi lên, bèn rước về điện Thần Vận và xây gác cao phụng thờ. Nhân đó viết bài táng Văn-thù Thụy Tượng. Sư từng bảo rằng: Các Giáo Tam-muội có rất nhiều tên, nhưng công hiệu cao để tiến nhất thì niệm Phật đứng đầu. Do đó, hàng trì luật lắng tâm, khách thanh tín dứt trần không hẹn mà đến. Như Tuệ Vĩnh (đồng thời An Công trước ở Tây Lâm), Tuệ Trì (em cùng mẹ với Viễn Sư), Đạo Sinh, Đàm Thuận (đều là môn đệ của ngài La-thập), Tăng Duệ, Đàm Hoàn, Đạo Bính, Đàm Tiên, Đạo Kính (đều là môn nhân của Viễn Sư), Phật-đà Gia-xá (Hán dịch là Giác Minh, người nước Kế Tân), Phật-đà Bạt-đà-la (Hán dịch là Giác Hiền, người nước Ca-duy-vệ), Danh nho Lưu Trình Chi (hiệu Di Dân), Trương Dĩ, Chu Tục Chi, Trương Thuyên, Tông Bình, Lô Thứ Tông... kết xã niệm Phật, đời gọi là Thập Bát Hiền. Sư lại dẫn chúng đến một trăm hai mươi ba người đồng tu nghiệp Tịnh độ, tạo ba Thánh Tượng Tây phương, thiết trai lập nguyện. Khiến Lưu Di Dân viết Phát Nguyện văn, mà Vương Kiều Chi... lại làm thi về Niệm Phật Tam-muội để nêu rõ ý chí. Sư có dáng mạo rất nghiêm túc, ai nhìn cũng kính sợ. Có Sa-môn cầm cây Như ý đến đùa chơi, gặp Sư không dám thừa hỏi điều chi rồi nép bên tòa mà trốn mất. Pháp sư Tuệ Nghĩa cố gắng tu tập có được chút ít, bảo với đệ tử của Sư là Tuệ Bảo rằng: “Các anh là hạng thô thiển, nên mới bị Viễn Sư khuất phục.” Có lần Nghĩa lên núi gặp lúc Sư đang giảng kinh Pháp Hoa, muốn đến vấn nạn nhưng trong lòng run sợ và xuất hạn, bèn nói với Tuệ Bảo rằng: Sư của ông có lời nói, dáng mạo rất tinh thành đáng kính phục. Khi Ân Trọng Kham đến trấn nhậm Kinh châu vào núi kính lễ, cùng Sư đến dưới rừng tùng ở khe phía Bắc, cùng đàm đạo trọn ngày quên mệt. Trọng Kham khen rằng: Sư trí thức rất sáng suốt thâm sâu thật hiếm có người! Sư cũng khen lại: Tài hùng biện của ông như suối phun (người sau gọi chỗ đó là suối Thông Minh). Các Quan Tư Đồ Vương mật, Hộ Quân Vương Mặc đều khâm phục Đạo phong của Sư, từ xa kính lễ (Vương mật có thư qua lại với Sư). Lô Tuần chiếm cứ Giang châu, vào núi đến thăm Sư, Sư cùng thân phụ của Tuần xưa là bạn đồng học. Khi gặp Tuần, Sư vẫn vui tình đạo cũ. Xong Sư khuyên đồ chúng rằng: Tuần là giặc của nước, không nên để người nghi. Sư bảo: Trong Phật pháp ta tình không lấy bỏ, kẻ thức giả tất tự xét thấy không có gì phải lo sợ. Kịp khi Tống Võ đem

quân thảo trừ, Tuần đóng quân ở Tang Vĩ. Kẻ tả hữu thưa rằng: Sư Tuệ Viễn là Tổ Vương Lô Sơn có giao tiếp với Tuần rất trọng hậu. Tống Võ nói: Viễn Sư là bậc tiêu biểu trên đời có gì đáng nghi. Bèn sai Sư mang thư, đem tiền lục đến tặng. Có một hành giả đến hầu Sư có tài đuổi rắn, do đó rắn trốn mất hết nhân gọi người ấy là Tỵ Xà hành giả. Có một con hổ thường lai vãng nhưng thấy người vẫn không làm hại, do đó đặt tên là “Du Sơn Hổ.” Sư và người trong Liên Xã lên đỉnh núi nghỉ ngơi, chỉ lo phải đi lấy nước xa. Một hôm có một con hổ cào đá, thì nước từ đó phun lên, nhân đó đặt tên là suối Hổ Bào. Lại ở một ngọn núi khác Sư viết bài số Niết-bàn, nhân đó đặt là Trích Bút Phong (ngọn ném bút). Lúc đầu, khi Đại Giáo mới truyền đến Giang đông, kinh sách chưa đủ, Thiền pháp không được nghe, Luật tạng thiếu nhiều. Sư bèn bảo đệ tử là Pháp Tịnh, Pháp Lãnh... vượt qua Thông Lãnh. Khoảng một năm thì thỉnh được nhiều bản tiếng Phạm đem về. Thuở xưa An Sư ở Quang Trung thỉnh ngài Đàm-ma Nan-đề dịch A-tỳ-đàm tâm, nhưng vị này chưa rành tiếng Hán lại có nhiều nghi trệ. Sau ngài Tăng-già Đề-bà đến thì liền thỉnh dịch lại và dịch Luận Tam Pháp Độ. Do đó hai luận này rất nổi tiếng. Sư liền viết lời tựa để tặng người học. Sư nghe ngài Cưu-ma-la-thập đã vào nước liền viết thư thông hiếu. Ngài La-thập đáp thư rằng: “Từ ngày liên lạc mới biết chút ít về đạo phong và đức hạnh. Kinh nói rằng: Đời mạt pháp ở Đông dương có Bồ-tát Hộ Pháp, đáng khâm phục thay việc nhân giả đã khéo léo hoằng đạo!” Khi ngài Đàm-ma-lưu-chi vào nước Tần, Sư sai đệ tử là Đàm Ấp đến thỉnh ngài ở Quang Trung dịch Thập Tụng Luật để lưu truyền trong nước Tấn. Các Tăng ở Tây Vực đều khen là ở đất Hán có bậc khai truyền pháp Đại thừa, nên thường hưởng về Đông độ kính lễ Lô Nhạc. Kịp khi ngài Phật-đà Bạt-đà-la đến, Sư liền thỉnh ngài dịch một số Thiền kinh. Do đó Thiền giới kinh điển được dịch ra từ Lô Sơn gần đến trăm quyển. Trước đây ở cõi này chưa có thuyết Nê-hoàn thường trú, chỉ nói là thọ mạng dài lâu. Sư bảo: Phật là Đấng chí cực, chí cực thì không biến đổi, lý của không biến đổi thì đâu thể cùng tận được. Sư bèn viết ra bộ Pháp Tánh Luận mười bốn thiên. Ngài La-thập đọc xong khen rằng: Ở cõi ngoài chưa thấy kinh mà đã ngầm hợp lý. Vua Tần rất khâm phục đạo phong của Sư bèn đưa Trí Độ Luận mới dịch và viết thư nhờ Sư đề tựa. Sư cho rằng văn bộ luận này quá rườm rà và rộng, nên Sư toát yếu còn hai mươi quyển rồi đề lời tựa (Ngài La-thập dịch Trí Độ Luận đến một trăm quyển). Hoàn Huyền chinh phạt Ân Trọng Kham yêu cầu Sư ra Hổ Khê, Sư cáo bệnh không đi. Huyền sắp vào núi, kẻ tả hữu thưa rằng: Xưa Ân Trọng Kham

đã từ xa lễ kính Sư, xin ngài chớ quy phục. Huyền bảo: Trọng Kham là kẻ chết nhất! Nhưng khi Huyền gặp Sư thì bất giác quỳ gối, bao điều định vắn nạn đều không dám hé môi. Khi Huyền thưa Sư về việc chinh phạt, Sư không đáp. Sau Huyền lấy oai Trấn chủ khuyên ép Sư ra làm quan. Bấy giờ Sư dùng lời chánh đáng đáp lại, Huyền không thể ép được. Rồi muốn dẹp đuổi chư Tăng, ra lệnh cho các thuộc hạ rằng: Đám Sa-môn nào có thể giải bày đúng các khảo hạch về Kinh và giữ Luật tinh nghiêm thì mới cho hoằng truyền Đại Pháp, còn ai trái với điều trên thì đều đuổi đi. Chỉ có Lô Sơn sống đời đạo đức nên không bị tra xét. Sư nhân đó viết thư lập các thể chế, Huyền đều nghe theo. Xưa Sưu Băng Phụ Chánh đã cho rằng Sa-môn phải kính lễ vua, sao còn tâu thêm là không nên lễ. Kịp khi Huyền ở Cô Thục thì lại đem lời của Sưu Băng nghị lại. Sư viết thư đáp rằng: Áo ca-sa không phải là triều phục, bình bát không phải là đồ dùng trong lang miếu, kẻ đã thoát trần thì không còn phải kính lễ vua. Sư bèn soạn ra quyển Sa-môn Bất Kính Vương Giả Luận năm thiên:

1. Nói về kẻ tại gia phải có lòng yêu Thiên tử và giữ lễ kính thờ Chúa.

2. Nói về người xuất gia vì có chí cầu cải tục đạt đạo vậy đâu thể theo phép kính lễ của thế tục.

3. Nói về cầu Tông không thuận hóa. Tông nghĩa là Nê Hoàn không biến đổi, vì lấy hóa tận làm nhà (Nê-hoàn tức Niết-bàn, dịch là bất sinh bất diệt). Về không thuận hóa, thì có sinh tất có diệt, có thân tất có minh. Khi cảnh thân minh dứt hết thì gọi là Nê-hoàn, mà không tùy thuận vào cảnh sinh sinh hóa hóa lưu động vô cùng. Đây đã không coi quân hầu là bậc cao thượng thì sao còn kính lễ nữa ư?

4. Nói về thể cực không kiêm ứng, nghĩa là các đời vua Chúa thì vua là bậc cao cấp nhất. Nhưng đây ở trong địa phương mình chứ không gồm ở nước ngoài, nên gọi là không kiêm ứng. Đạo trời đất công cuối cùng là ở vận hóa, Đức vua Chúa lý tốt nhất là thuận thông. So sánh giáo cao tuyệt và tông bất biến thì hơn kém đã rất rõ ràng. Phạm Đạo Như Lai thì không đâu không ứng.

5. Nói về thân tuy chết nhưng thần không mất, nghĩa là lửa được truyền bởi củi cũng như thần được truyền bởi thân thể. Nhưng cái truyền của lửa tất khác củi, cũng như cái truyền của thần khác thân thể. Mới sinh đó chết đó qua lại không cùng. Chỉ có kẻ ngộ triệt thì mới trở lại nguồn, còn người mê lý thì luôn đuổi theo vật mà thôi. Không bao lâu Huyền lên ngôi, liền viết thư bảo: Phật pháp rộng lớn chưa thể biết



hết. Trước xét tình thờ chúa mà khiến phải hết sức kính lễ, nay việc đối chính mình nên chỉ cần giữ về kính nhường mà thôi, các Đạo nhân không cần phải đánh lễ nữa. Khi Hoàn Huyền chạy về phía Tây thì An Đề từ Giang lăng trở về Kinh Sư. Quan Phụ Quốc là Hà Vô Kỵ khuyên Sư nên ra đón tiếp, Sư cáo bệnh không đi. Vua sai sứ đến thăm hỏi, Sư dâng thư cáo bệnh. Vua lại xuống chiếu an ủi. Sư có lần giảng kinh Tang Phục (tức các thiên Tiểu ký, Đại ký, Tứ chế của Lễ ký), Lôi Thứ Tông và Tông Bính đều cầm quyển vâng nghe. Sau đó Thứ Tông viết Nghĩa sớ, lúc đầu tự xưng là Lôi thị. Tông Bính viết thư trách rằng: Xưa đã cùng túc hạ đối diện với Thích Hòa thượng học hỏi, sao nay lại xưng là Lôi Thị? (Lục Đức Minh Mao Thi Âm Nghĩa có nói: Chu Tục Chi và Lôi Thứ Tông đồng học Thi Nghĩa với Viễn Pháp sư, cũng là việc này). Thích Tuệ Yếu sợ không có đồng hồ, bèn đặt mười hai lá phù dung trên mặt nước, sóng đánh làm chuyển vị trí các chiếc lá, do đó mà biết được ngày đêm, để làm giờ giấc tu hành và gọi là đồng hồ hoa sen. Sư Tăng Triệt giỏi sách vở thường đến Nam Sơn vịnh cảnh tùng huýt gió, tiếng hòa theo gió khiến bầy chim tụ tập đua hót thắm thiết, ông ta ra vẻ thích thú tự đắc, lui về hỏi Sư rằng: Luật cấm khải đàn thổi sáo ca múa, vậy như ngâm vịnh huýt gió được chăng? Sư đáp: “Những gì do loạn ý đều phi pháp”, Triệt bèn không huýt gió ngâm vịnh nữa. Sư ở trong núi suốt ba mươi năm chưa hề xuống núi vào xóm, chỉ chuyên tu tịnh nghiệp, niệm Phật, mười một năm đầu Sư lắng tâm quán tưởng, ba lần thấy Thánh Tượng nhưng lặng lẽ không nói, mười chín năm sau vào một tối cuối tháng bảy, ở Khám Phía Đông Bát-nhã đài vừa mới xuất định thì Sư thấy thân Phật A-di-đà đầy khắp không gian, trong viên quang có các hóa Phật, có Quan Âm và Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy nước phun lên có ánh sáng, phân làm bốn nhánh chảy xuống phát ra tiếng nói về khổ, không, vô thường, vô ngã. Phật bảo Sư rằng: Ta vì bản nguyện nên đến an ủi ông, bảy ngày nữa ông sẽ sinh về nước ta. Lại thấy Phật-đà-gia-xá, Tuệ Trì (đã mất năm Nghĩa Hy thứ tám), Tuệ Vĩnh (mất năm Nghĩa Hy thứ mười), Lưu Di Thị (mất năm Nghĩa Hy thứ sáu) cùng đứng bên Phật chào Sư nói rằng: “Sư lập chí trước sao lại về muộn?” Sư bảo Pháp Tịnh, Tuệ Bảo rằng: Hồi mới ở đây trong mười một năm đầu ta ba phen thấy tướng Phật, nay lại thấy, ta ất sinh Tịnh độ vậy. Lại nói: Bảy ngày nữa là chậm nhất. Rồi Sư có bệnh nằm nói lời di chúc: Xưa ta đã biết số ta dựng nghiệp ở núi này, xét rằng có sinh tất có diệt, bèn muốn dứt hết ngoại duyên, để thỏa chí nguyện. Nhưng do tính yếu đuối với đoạn diệt nên đã cùng kết quyến thuộc với những người

đồng chí tu tịnh nghiệp đương thời, bởi đồng tình cùng cảm. Bất giác mà thân già vận suy, nay đã tám mươi ba tuổi rồi. Ngược lên thì sai lời dạy, cúi xuống thì tự phụ lòng mình. Những khiến đời này luống uổng nhớ tiếc bệnh cũ càng sâu. Nay đến lúc, thì hãy để nắm hình hài này dưới rừng tùng hoặc chôn trên đỉnh núi, để cùng thấm đượm cỏ cây. Ấy là theo lễ của người xưa, các người chớ trái lời, chỉ cốt sao thần thức không mê, mới đạt được lòng thành. Cúi mong Thế Tôn Từ Bi hộ độ!” Môn đồ than khóc như cha mẹ qua đời. Sư thấy tình đời khó dứt bèn dời lại bảy ngày, đúng hẹn mới thị tịch, đúng vào ngày sáu tháng tám năm Nghĩa Hy mười hai. Các đệ tử không đành để thân Sư ngoài đất, bèn cùng Thái Thú Tâm Dương là Nguyễn Khả chôn toàn thân Sư ở đỉnh núi tây rồi chất đá làm tháp. Tạ linh Vận lập bia viết bài minh kể công đức, Trương Dã làm bài tựa xưng là môn nhân. Tông Bích lại lập bia ở cổng chùa để nêu đức nghiệp. Khi Sư sắp viên tịch, các bậc kỳ đức thỉnh Sư dùng rượu đậu để trị bệnh. Sư bảo: Luật cấm. Lại thỉnh Sư uống nước cháo, Sư nói đã quá ngộ, lại thỉnh Sư uống nước mật. Sư bảo hãy dỡ luật ra xem các điều khoản. Xem chưa được nửa quyển thì Sư đã viên tịch. Các kinh Luận cùng những lời tựa, bài minh, Tán, Thi, Ký... của Sư làm ra có khoảng mười quyển đề là Lô Sơn Tập (khắc gỗ để ở Việt Phủ). Từ ngài Phật Đồ Trưng, Đạo An, Sư Viễn, Pháp sư Đàm Thuận, Tăng Duệ năm đời đều là quốc Sư. Vua Tuyên Tông nhà Đường vào năm Đại Trung thứ hai đã thụ phong Sư là Biện Giác Đại sư. Năm Thăng Nguyên thứ ba lại truy phong cho Sư là Chánh Giác (Nhà Nam Đường, niên hiệu Lý Tiên Chủ, tức năm Thiên Phước thứ tư, đời Cao Tổ nhà Tấn), niên hiệu Đại Tống, vua Thái Tông, năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba truy thụ phong cho Sư là Viên Ngộ Đại sư, tháp là Ngưng Tịch.

## 2. PHÁP SƯ THIỆN ĐẠO

Không biết Sư là người ở đâu. Trong năm Chánh Quán đời Đường Thái Tông, Sư đến Tây Hà tham kiến Xước Thiên sư đang ở Cửu Phẩm đạo tràng giảng tụng Quán Kinh. Sư mừng rỡ bảo rằng: Đây mới thật là cửa vào chốn Phật, tu các hạnh nghiệp khác hẹp hòi xa xôi khó thành. Chỉ có Quán Môn này mới nhanh chóng thoát khỏi sinh tử. Do đó Sư quyết chí cần khổ ngày đêm lễ tụng. Sau Sư đến Kinh Sư hướng dẫn bốn bộ chúng. Mỗi lần vào Thất cùng quỳ niệm Phật, đến kiệt sức mới thôi. Gặp những ngày lạnh gắt Sư cũng tu đến đổ mồ hôi mới nghỉ. Luôn vì người diễn nói pháp môn Tịnh Độ hơn ba mươi năm không hề tạm ngủ nghỉ. Ban-chu hành đạo, Phương Đăng Lễ Phật. Sư luôn gìn giữ giới



phẩm mảy may không phạm. Có thức ăn ngon liền đưa xuống nhà bếp còn mình thì ăn đồ xấu dở, nhũ lạc đề hồ không từng nếm qua. Phàm của cúng thí đều dùng để viết mười vạn quyển kinh Di-đà, vẽ Biển Tượng Tịnh Độ ba trăm bức. Chùa hư tháp đổ, Sư đều đến sửa chữa xây cất lại. Đốt đèn đến sáng suốt năm không ngớt, ba y bình bát không nhờ người cầm. Không đi chung với nhiều người vì sợ nói chuyện thế sự. Ở Trường An số đạo tộc được truyền trao pháp môn Tịnh Độ nhiều không kể xiết. Người được ngài hóa độ có người tụng kinh Di-đà đến mười vạn quyển, có người tụng đến năm mươi vạn quyển. Khóa tụng hàng ngày niệm Phật từ một vạn tiếng đến mười vạn tiếng hoặc số người được nhập Niệm Phật Tam-muội và vãng sinh Tịnh độ thì đông không thể kể hết được. Có người hỏi niệm Phật có chắc sinh Tịnh độ chăng? Sư đáp: Tùy việc ông niệm sẽ được theo sở nguyện. Sư bèn tự niệm một tiếng thì trong miệng có một ánh sáng phát ra, cho đến mười tiếng hay trăm tiếng thì cũng thế cả. Sư viết kệ khuyên rằng: “Lân hồi da nhẵn tóc bạc, ngắm xem bước đi lọng cọng, giả như vàng bạc đầy nhà, đâu khỏi suy tàn già bệnh, dẫu có trăm ngàn khoái lạc, vô thường cũng đến mà thôi, chỉ có đường tắt tu hành, một câu A-di-đà Phật.” Sau đó Sư bỗng gọi người bảo rằng: “Thân này đáng chán, ta sắp về Tây.” Rồi Sư leo lên cây liễu quay mặt về hướng Tây nguyện rằng: “Xin Phật tiếp dẫn con, Bồ-tát giúp sức con, khiến con không mất chánh niệm, được sinh về An Dưỡng.” Nguyện xong liền gieo mình xuống đất mà tịch. Vua Cao Tông biết Sư niệm Phật có ánh sáng từ miệng phóng ra, lại dốc chí xả thân, bèn ban cho hiệu chùa là Quang Minh. Từ Vân Tịnh Độ lược truyện nói: Phật A-di-đà hóa thân đến Trường An nghe tiếng nước chảy nói rằng: “Ở đây dạy Niệm Phật tròn ba năm, cả thành Trường An đều Niệm Phật. Sau có Pháp Chiếu Pháp sư đó là Hòa thượng Thiện Đạo vậy.”

### 3. PHÁP SƯ THỪA VIỄN

Sư lúc đầu học với Đường Công ở Thành Đô. Sau đến Kinh châu theo học với Chân Công ở Ngọc tuyến. Chân Công trao cho Sư Hành Sơn, khiến Sư làm Giáo Khôi. Người được Sư giáo hóa có đến hàng vạn. Có đệ tử là Pháp Chiếu. Lúc đầu Sư ở Lô Sơn, do chánh định mà đến được An Lạc Quốc, thấy người áo xấu đứng hầu Phật. Phật bảo: “Đó là Hành Sơn Thừa Viễn.” Khi xuất định đi tìm thì quả đúng vậy. Sư bèn theo học, rồi ra truyền giáo khắp thiên hạ. Pháp Chiếu ở đời Tống làm Quốc Sư bèn nói thầy mình có Đức lạ, nên vua hướng về phía Nam mà kính lễ. Cho rằng Đạo ngài không thể nêu bày, bèn gọi nơi ở của ngài là

Ban Chu đạo tràng để tôn xưng Đạo vị ngài. Lúc đầu Sư đến ở dưới hòn Nham Thạch phía Nam ở Sơn tây. Nếu người cúng thức ăn thì ăn, nếu người không cúng thì ăn rau cỏ hoặc bùn đất, việc y phục cũng thế. Phía Nam cả vùng Hải Duệ, phía Bắc lên đến U Đô, mọi người đều đến cầu đạo với Sư. Có người gặp Sư nơi hang núi mình mẩy tiêu tụy, mặt mày dơ bẩn đang khom lưng vác củi, cho là đầy tớ mà xem thường. Phàm khi hóa độ người, Sư thường lấy Trung đạo mà dạy bảo. Huyền Ty Đắc bị bệnh đến Sư hỏi đạo. Sư dạy nên chuyên niệm Phật. Sư viết các châm ngôn ở các hẻm, trong hang núi, nghiêm khắc dạy bảo kẻ dưới. Không tìm cầu mà Đạo đầy đủ, không nói mà vật thành. Người đều đội vải lụa, chặt gỗ, đục đá để cả ngoài cửa hang. Sư không từ chối cũng không xây cất mà chùa chiền, nhà cửa vẫn đầy đủ. Đến Triều vua Đức Tông ra chiếu khen ngợi, gọi là chùa Di-đà. Đến ngày mười chín tháng bảy năm Chánh Nguyên mười tám, Sư viên tịch ở tại chùa đó, thọ chín mươi một tuổi. Liễu Tông Nguyên soạn lời bia khắc để ở cổng chùa.

#### 4. QUỐC SƯ PHÁP CHIẾU

Đời Đường, năm Đại Lịch thứ hai, Sư ở chùa Vân Phong tại Hành Châu, Từ bi nhục tu giới định, Sư được nhiều người tôn kính. Có lần Sư ở Tăng Đường ăn cơm thì thấy trong bát có mây năm sắc, trong đó có Phạm sát, phía Đông bắc có cửa đá ở khe núi. Lại có một chùa có bảng đề chữ vàng “Đại Thánh Trúc Lâm Tự.” Một hôm khác, Sư lại thấy mây trong bát, trong mây có mấy chùa, ao sen đền đài và lầu quán, có vạn Bồ-tát cùng chúng ở trong ấy. Sư đem việc nhìn thấy hỏi các bạn tri thức. Có hai Tăng là Gia Diên và Đàm Huy bảo rằng: Việc Thần Thánh biến hóa thật khó lường, nếu luận về núi sông có địa thế thì chỉ có Ngũ Đài mà thôi. Năm Đại Lịch thứ tư, Sư ở chùa Hồ đông tại Quận Chi, mở năm Hội Niệm Phật (năm ngày mở một hội), chiêm cảm được mây lành bay đến. Trong mây thấy có lầu đài, lại thấy Đức A-di-đà và hai vị Bồ-tát thân đầy khắp hư không. Có mấy vị Phạm Tăng đang cầm tích trượng hành đạo. Lại thấy có một lão Tăng bảo rằng: “Ông trước đã phát nguyện ở cõi Kim sắc mà đánh lễ gần gũi Đại Tăng (Phật), nay vì sao vội bỏ?” Sư bèn cùng các bạn đồng chí lặn lội xa xôi đến Ngũ Đài, thì thấy ở phía Nam chùa có ánh sáng, bèn tìm theo đến thì đến chùa Phật Quang, giống y như chùa đã thấy trong bát thuở nào. Ở phía Đông bắc cách năm dặm quả nhiên có núi lớn và có khe núi. Ở cổng đá phía Bắc khe núi có hai vị mặc áo xanh là Thiện Tài và Nan-đà, dẫn Sư vào cổng, đi về phía Bắc có Kim Môn Lâu Quán, trên có bảng vàng đề chữ

“Đại Thánh Trúc Lâm Tự.” Chùa vuông vức hai mươi dặm, có một trăm viện, đều có đất vàng tháp báu, đài hoa cây ngọc. Sư vào giảng đường thì thấy Đức Văn-thù ở phía Tây, Đức Phổ Hiền ở phía Đông, đang ngồi trên tòa Sư tử nói pháp cho chúng, có hàng vạn Bồ-tát cùng đi nhiễu quanh. Sư đến trước hai vị Bồ-tát đánh lễ bạch rằng: Kẻ phàm phu đời mạt Pháp không biết nên tu pháp môn nào? Ngài Văn-thù bảo: Các hạnh môn tu tập không chi bằng niệm Phật, vì nguyện lực của Đức Phật A-di-đà khó nghĩ bàn, ông nên niệm Phật chắc chắn được vãng sinh. “Lúc đó hai vị Bồ-tát đồng đưa tay vàng xoa đánh đầu Sư và thọ ký rằng: Ông nhờ sức niệm Phật nên cuối cùng sẽ chứng Vô thượng giác.” Đức Văn-thù lại bảo: “Ông hãy đến các Viện Bồ-tát lần lượt đánh lễ nghe lời dạy bảo.” Sư liền lần lượt đến thỉnh giáo và được dạy đến vườn Thất bảo, rồi trở về trước Đại Thánh đánh lễ từ tạ ra về, lại được hai vị thanh y đưa ra tận cổng ngoài. Sư lại đánh lễ. Khi ngẩng đầu lên thì tất cả đều biến mất. Sau Sư cùng năm mươi vị Tăng đến hang Kim Cang nơi ngài Vô Trước nhìn thấy Phật. Bỗng Sư thấy các cung điện báu, các ngài Văn-thù, Phổ Hiền và vạn Bồ-tát cùng Đức Phật Bà-la-lợi, Sư bèn đánh lễ, khi ngẩng đầu lên thì không thấy nữa. Một đêm Sư ở viện Hoa Nghiêm thấy ở hang núi phía Đông chùa có ngọn đèn năm nhánh. Sư nói: Muốn phân làm trăm ngọn thì liền được như ý. Sư lại nói: Xin phân ra làm ngàn ngọn đèn, liền được đúng số, ánh sáng tỏa khắp hang núi. Lại trước khi đến hang Kim Cang, vào nửa đêm Sư thấy Đức Phật-đà-bà-lợi dẫn Sư vào chùa. Sau đó Sư ở viện Hoa Nghiêm nhớ lại việc hai vị Bồ-tát đã thọ ký cho mình được vãng sinh, bèn nhất tâm niệm Phật. Chợt thấy Đức Phật Ba-lợi bảo rằng: Hoa đài của ông đã sinh, ba năm nữa hoa sẽ nở. Ông sẽ thấy các chùa Trúc lâm... vì sao không khiến quần sinh cùng biết?” Sư nhân đó sai thợ khắc đá làm hình vẽ, ở chỗ nhìn thấy bèn lập chùa Trúc lâm. Khi xong Sư bảo chúng rằng: “Việc ta đã xong.” Vài hôm sau Sư giả biệt chúng rồi ngồi yên mà hóa. Suy ra lời của Đức Ba-lợi nói thì đúng ba năm (tức năm Đại Lịch thứ bảy). Sư ở Tinh Châu mở năm Hội dạy người niệm Phật. Vua Đại Tông ở trong cung tại Trường An thường nghe phía Đông bắc có tiếng Niệm Phật. Vua sai sứ tìm đến Thái Nguyên thì quả thấy Sư đang khuyến hóa rất thịnh hành. Bèn rước Sư vào cung cấm dạy cho cung nhân niệm Phật cũng đến năm Hội (Liễu Tử Hậu trong Tập Nham Nhạc Bi nói rằng thời vua Đại Tông thì Pháp Chiếu làm Quốc Sư).

## 5. PHÁP SƯ THIẾU KHANG

Sư họ Chu, người ở Tấn Vân. Bà mẹ họ La mộng thấy lên ngọn Đỉnh Hồ có Ngọc nữ đem cho cành sen xanh bảo rằng: “Hoa Cát Tường đây phải sinh con quý.” Đến khi sinh Sư thì ánh sáng đầy nhà và thơm nước hương sen. Năm bảy tuổi Sư vẫn chưa biết nói. Thầy tướng cho là kỳ lạ. Bà mẹ dắt đến chùa Linh sơn chỉ điện Phật bảo Sư: Con nên kính Phật, đừng sợ! Sư đáp: “Đây là Phật Thích-ca của con, ai mà không kính.” Cha mẹ thấy thế càng kính phục bèn cho đi xuất gia. Đến năm mười lăm tuổi, Sư tụng thông năm bộ Pháp Hoa, Lăng-nghiêm... Sư liền tìm đến Cối kê học với ngài Gia Tường nghiên cứu Luật Bộ. Sau Sư đến Long Hưng ở Thượng Nguyên, nghe các Luận Hoa Nghiêm, Du Già... Đến năm Trinh Quán thứ nhất, đời Đường, Sư đến học ở chùa Bạch mã, thấy trong điện Kinh sách phát ra ánh sáng, bèn cầm xem thì là văn Tây Phương Hóa Đạo của Hòa thượng Thiện Đạo. Sư khấn rằng: Nếu con có duyên với nghiệp Tịnh Độ thì lại phóng quang cho, vừa nói xong thì lửa rực sáng lòa. Sư nói: “Đá nhiều kiếp còn mòn nguyện ta không hề đổi.” Sư bèn đến chùa Quang minh ở Trường An, ở tại Ảnh đường của Hòa thượng Thiện Đạo, thiết bày đại lễ cúng dâng. Bỗng thấy di tượng của ngài bay lên hư không bảo rằng: “Ông nên y theo giáo pháp ta mà rộng độ hữu tình, hôm nào công đức hoàn thành ắt sinh An dưỡng. Sư nghe tiếng Phật nói như có điều chứng ngộ. Bèn đi về phía Nam đến Giang lăng. Giữa đường gặp vị Tăng bảo rằng: “Ông muốn dạy người hãy đến Tân Định” (nay là Nghiêm Châu), nói xong liền biến mất. Khi Sư vào Quận thì không ai biết. Sư bèn xin tiền rồi dụ trẻ em bảo rằng: “Đức Phật Di-đà là thầy của chúng cháu, cháu nào niệm Phật một tiếng ta sẽ cho một tiền.” Trẻ em ham tiền luôn theo Sư niệm Phật. Hơn một tháng số trẻ con niệm Phật kiếm tiền càng đông. Sau Sư bảo: Cháu nào niệm Phật mười tiếng ta cho một tiền. Như thế suốt một năm bất luận già trẻ lớn bé, sang hèn hễ thấy Sư đều niệm A-di-đà Phật. Tiếng niệm Phật vang khắp đường phố. Được mười năm Sư bèn đến núi Ô Long xây dựng Tịnh độ đạo tràng, cất lầu đài ba tầng, tập chúng hành đạo. Mỗi lần lên giảng tòa Sư đều lớn tiếng niệm Phật thì chúng thấy từ miệng Sư phóng ra một vị Phật, niệm liền mười tiếng thì thấy có mười vị Phật. Sư bảo: Ai thấy Phật ắt được vãng sinh. Lúc đó số người đông đến cả ngàn. Những ai không thấy Phật đều than thở rồi càng cố gắng tinh tấn niệm Phật. Được hai mươi một năm, vào ngày ba tháng mười, Sư phó chúc các Đạo Tộc hãy nên khởi tâm ham thích cõi Tịnh độ, chán sợ cõi Diêm-phù, ngay lúc này các ông thấy được ánh sáng mới thật là đệ tử của ta. Và Sư phóng liền mấy luồng ánh sáng lạ rồi thị tịch. Người trong

Quận lập tháp Sư trên đài đá. Năm Càn Hựu thứ ba, Thiên thai Thiều Quốc Sư khuyên người trùng tu tháp Sư. Sau nhiều người cho là Sư nổi nghiệp ngài Thiện Đạo.

## 6. PHÁP SƯ DIÊN THỌ

Sư tự là Xung Huyền, năm lần thi kinh Pháp Hoa đều rớt, đến lần thứ sáu mới đậu. Thời đất Ngô Việt thuộc họ Tiền, ông làm thuế vụ, nhân lấy tiền quan mua cá tôm phóng sinh, việc bại lộ ông bị đem ra chợ chém đầu. Ngô Việt Vương sai người rình xem hề thấy mặt biến sắc thì chém, không biến sắc thì thả. Cuối cùng mặt không biến sắc nên được tha mạng. Nhân đó ông đến Thúc Nham Thiên sư ở Tứ Minh mà xuất gia. Mặc không dùng lụa bông, ăn không ăn ngon lạ. Sư lại đến tham học với Thiều Quốc Sư mà phát minh tâm yếu. Có lần ngài gọi Sư bảo rằng: Ông có duyên với Nguyên Sư tất làm nên Phật sự lớn, tiếc rằng ta không kịp thấy được. Lúc đầu Sư đến núi Thiên thai Trí Giả chín tuần tập định thì thấy trong y có chim làm tổ. Sau Sư đến chùa Quốc thanh tu Pháp Hoa Sám. Đêm đến thấy thần nhân cầm kích đi vào, Sư trách rằng: Sao dám vào Đàn tràng? Thần đáp: “Đã chứa nhóm nghiệp lành từ lâu nên mới đến đây.” Nửa đêm Sư đi nhiều tượng thì thấy Đức Phổ Hiền trên tay có cành hoa sen, Sư bèn lên .....Trí Giả làm hai thẻ xăm, một thẻ đề: Một đời Thiên định, một thẻ đề tụng Kinh làm muôn việc thiện để trang nghiêm Tịnh Độ, gieo đến bảy lần mà vẫn được một thẻ: Chuyên tu tịnh nghiệp. Sư bèn chống tích tượng đến chùa Kim Hoa ở ngọn Thiên Trụ, tụng kinh suốt ba năm. Trong khi Thiên Quán, Sư thấy Đức Quan Âm lấy nước Cam lồ rót vào miệng, Sư bèn được biện tài. Lúc đầu Sư giảng Pháp ở Tuyết Bảo. Đến năm Kiến Long thứ nhất (là năm vua Thái Tổ Triệu Tống được nhường ngôi), Trung Ý Vương thỉnh Sư đến ở chùa Linh Ẩn, hai năm sau dời về Vĩnh Minh (nay là Tịnh Từ), khóa lễ hàng ngày Sư chuyên niệm Phật, có cả một trăm lễ tám việc Sư vẫn không tạm bỏ. Người học đến tham vấn, Sư chỉ tâm làm tông, lấy ngộ làm quy tắc, sớm tối lên một ngọn núi riêng hạnh đạo niệm Phật. Người bên ngoài nghe có tiếng ốc thổi và nhạc trời. Ý Trung Vương khen rằng: Từ xưa đến nay người cầu vãng sinh chưa có ai chí thiết như vị này. Bèn lập điện Tây phương Hương Nghiêm để Sư tu trì. Sư ở Vĩnh Minh mười lăm năm, đệ tử đến một ngàn bảy người. Sư thường truyền giới Bồ-tát cho chúng, ban đêm thí thực cho quỷ thần ăn, ngày thì phóng sinh cứu mạng, tất cả đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ. Người thời ấy gọi Sư là Từ Thị hạ sinh. Năm Khai Bảo thứ tám, ngày hai mươi sáu

tháng hai, vào buổi sáng Sư đốt hương, cáo biệt chúng rồi ngồi kiết già mà hóa. Vua ban hiệu là Trí Giác Thiên Sư. Đạo của Sư vang khắp hải ngoại. quốc vương nước Cao Ly gửi thư tặng vật với cương vị đệ tử. Sư thấy ba Tông Thiên Thai, Hiền Thủ và Từ Ân có những chỗ dị đồng, bèn mời các học trò biết rõ về các Tông ấy, rộng xem các văn nghĩa và cùng vấn nạn nhau, Sư lấy công tâm để chuẩn định cho ngang bằng. Sư lại tập họp các kinh luận Đại thừa khoảng sáu mươi bộ và các danh ngôn của cả ba trăm Hiền thánh ở hai cõi Đông độ và Tây Vực chứng minh cho ý chỉ Duy tâm. Sư viết cả trăm quyển đặt tên là Tông Cảnh, lại soạn bộ Vạn Thiện Đồng Quy Tập nêu rõ chỉ quy Tịnh Độ là cốt yếu nhất. Khi Sư đã tịch xây tháp Sư trong núi, có vị Tăng từ Lâm Xuyên đến nói rằng: Trong cơn bệnh tôi xuống cõi âm, được thả về, thấy trong điện có hình vị Tăng, vua Diêm La đến lễ bái. Tôi hỏi tượng này là ai, vị chủ Sư nói: “Đây là Thọ Thiên sư ở Hàng Châu, nghe nói đã được thọ sinh bậc thượng phẩm ở Tây phương, nên vua kính vị ấy mà đảnh lễ vậy.” Khoảng năm Sùng Ninh, Sư được thụ phong là Tông Chiêu Thiên sư (thấy Bản Truyện ở Long Thư Văn của Lâm An Chí).

## 7. PHÁP SƯ TỈNH THƯỜNG

Sư tự là Tạo Vi, họ Nhan, người Tiên Đường. Mới bảy tuổi Sư đã chán thế tục, mười bảy tuổi thọ giới Cụ túc. Đời Tống khoảng năm Thuần Hóa, Sư ở Nam Chiêu. Sư rất kính mộ đạo phong của ngài Lô Sơn, định kết Liên Xã. Nhân Tây hồ là cảnh đẹp trên đời, Sư lánh bỏ cảnh đẹp chỉ ngưỡng mộ việc vắng sinh về cõi của Vô Lượng Thọ Phật. Sư bèn khắc tượng ngài và xem phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm làm Tông yếu thành Phật, bèn chích máu viết ra. Do đó đổi tên Liên Xã thành Tịnh Hạnh. Các hàng sĩ phu dự hội đều xưng là đệ tử của Tịnh Hạnh Xã, mà Vương Văn Chánh Công làm Hội trưởng, một thời chặn dất hàng công khanh. Hơn ba mươi năm số người tham dự Xã này có đến một trăm hai mươi ba vị được hóa độ thành tài, còn số Tỳ-kheo đồng chí có đến hàng ngàn. Có người đem Tây hồ sánh với Lô Sơn thì thấy đức của Sư không thua kém (Ngài Lô Sơn làm bài văn bia Bạch Liên Xã Chủ để ghi chép sự nối tiếp thanh hành đó. Quan Hàn Lâm vâng chỉ vua soạn bài minh Bạch Liên Xã, Tào Sứ là Tôn Hà làm lời ký). Năm Thiên Hy thứ tư, ngày mười hai tháng giêng, Sư ngồi thẳng niệm Phật, chốc lát bỗng lớn tiếng bảo rằng: “Phật đến”, rồi im lặng mà hóa. Chúng thấy đất có sắc vàng giây lâu mới mất. Sư thọ sáu mươi hai tuổi. Đệ tử thờ toàn thân, tháp Sư ở bên mộ ngài Điều Khóa Thiên Sư.



**\* Mười tám bậc Hiền ở Liên xã:**

1. Đông lâm Tuệ Viễn Pháp sư (đệ tử An Sư).
2. Tây Lâm Tuệ Vĩnh Pháp sư (đệ tử An Sư).
3. Tuệ Trì Pháp sư (em của Viễn Sư, đệ tử của An Sư).
4. Đạo Sinh Pháp sư (đệ tử của La-thập).
5. Đàm Thuận Pháp sư (đệ tử của La-thập).
6. Tăng Duệ Pháp sư.
7. Đàm Hằng Pháp sư.
8. Đạo Bính Pháp sư.
9. Đàm Tiên Pháp sư.
10. Đại Kính Pháp sư (năm vị trên là đệ tử của Viễn Sư).
11. Giác Minh Pháp sư (là Phạm Tăng Phật-đà Gia-xá).
12. Giác Hiền Pháp sư (là Phạm Tăng Phật-đà Bạt-đà).
13. Lưu Trình Chi.
14. Trương Dã.
15. Chu Tục Chi.
16. Trương Thuyên.
17. Tông Bính.
18. Lô Thứ Tông (sáu vị trên đều là đệ tử của Viễn Sư).

**\* Một trăm hai mươi ba người của Liên xã:**

(Thấy truyện ghi có ba mươi bảy người).

1. Đàm Dực Pháp sư.
2. Đàm Ấp Pháp sư.
3. Tăng Tế Pháp sư.
4. Huệ Cung Pháp sư.
5. Pháp An Pháp sư (5 vị trên có Truyện).
6. Pháp Tịnh Pháp sư.
7. Pháp Lãnh Pháp sư.
8. Tuệ Bảo Pháp sư.
9. Tuệ Yếu Pháp sư.
10. Tăng Triệt Pháp sư (năm vị trên thấy ở Đông lâm Truyện).
11. Tuệ Nhiên Pháp sư.
12. Đàm Oai Pháp sư (hai vị trên thấy ở Lô sơn tập).
13. Đạo Hoàng Pháp sư.
14. Đàm Lan Pháp sư (Hai vị trên ở Trì Sư Truyện).
15. Pháp Nghiệp Pháp sư.
16. Tuệ Nghĩa Pháp sư.

17. Huệ Nghiêm Pháp sư.
  18. Tuệ Quán Pháp sư (bốn vị trên thấy ở Bạt-đà-la Truyện).
  19. Đàm Quả Pháp sư (ở Ấp Sư Truyện).
  20. Nguyên Bậc Pháp sư (ở Tế Sư Truyện).
  21. Tăng Quang Pháp sư.
  22. Tuệ Kham Pháp sư.
  23. Tuệ Lan Pháp sư (ba vị trên ở Cung Sư Truyện).
  24. Mẫn Công Tắc (có Truyện).
  25. Tất Dĩnh Chi (thấy ở Lưu Truyện).
  26. Mạnh Hoài Ngọc (Thứ Sử Giang châu).
  27. Vương Kiều Chi (Thái Thú Lâm Hạ).
  28. Ân Ân (Thái Thú Tấn An).
  29. Mao Tu Chi (Huỳnh Môn Thị Lang).
  30. Ân Úy (Chủ Bạ).
  31. Vương Mục Dạ (Tham Quân).
  32. Hà Hiếu Chi (Tham Quân).
  33. Phạm Duyệt Chi (Hiếu Liêm).
  34. Trương Văn Dật (Xử Sĩ).
  35. Mạnh Thường Thị.
  36. Mạnh Tư Mã (mười một người trên thấy ở Lô Sơn Tập).
  37. Lục Tu Tịnh (tức Giải Tịch Tiên Sinh, có truyện).
- \* Các bậc Hiền không vào Liên xã:
1. Đào Tiềm (Bành Trạch Lệnh).
  2. Tạ Linh Vận (Khang Lạc Công).
  3. Phạm Ninh (Thái Thú Dự Chương).

### TRUYỆN VỀ MƯỜI TÁM BẬC HIỀN:

**1. Đông lâm Pháp sư** (thấy ở Truyện bảy Tổ trong Liên Xã trước).

#### **2. Tây Lâm Pháp sư Tuệ Vĩnh**

Sư họ Phan, người ở Hà nội. Năm mười hai tuổi thờ Sa-môn Trúc Đàm Hiên. Lúc đầu tập Thiền ở Hằng Sơn cùng Viễn Sư nương An Pháp sư, kết hẹn làm nhà ở La Phù. Kịp khi Viễn Sư ở lại với An Sư, Sư muốn qua Ngũ Lĩnh trước. Năm đầu Thái Nguyên Sư đến Tâm Dương. Thứ Sử Đào Phạm vốn trọng đạo phong của Sư nên giữ Sư ở lại Lô Sơn, làm nhà ở Tây lâm để hầu Sư. Sư tương đưa đạm bạc, nấu sòng chuyên tâm giữ mình, mặt luôn vui cười, không nói lời hại vật. Sư cất một am

cổ trên ngọn núi cao, đến giờ thiền tọa thường nghe có mùi hương lạ, nhân đó đặt tên là Hương Cốc. Có một con hổ cùng ở với Sư, khi người đến Sư liền đuổi đi. Khi Viễn Sư đến ở Long Tuyền thì Hoàn Y lập ra Đông lâm, suốt ba mươi năm Sư không xuống núi. Sư ở Tây lâm cũng thế. Có lần nhân Pháp sự, Sư đến ấp gần. Khi trở về núi trời chạng vạng tối. Ô Kiều Doanh Chủ say rượu, cỡi ngựa đến giữa đường gặp Sư chặn lại không cho đi. Sư lấy gậy chỉ vào ngựa, ngựa sợ bỏ chạy. Vinh Chủ té xuống đất. Sư đến đỡ lên an ủi rồi trở về. Doanh Chủ bị bệnh bèn đến chùa tạ lỗi. Sư bảo: “Đó là việc ngoài ý muốn của bản đạo.” Bèn cầu nguyện thì bệnh liền hết. Trấn Nam Tướng Quân Hà Vô Kỵ trấn thủ Tầm Dương, đến Hồ Khê thỉnh Viễn Công và Sư. Viễn Công thích danh vọng bèn cùng học trò hơn cả trăm người lớn tiếng nghị luận cử chỉ dễ xem. Sư mặc áo phủ gối, tay vác tích trượng, ôm bát. Dưới rừng tùng Sư nhẹ nhàng tiến đến. Hà Vô Kỵ bảo chúng rằng: Vĩnh Công có dáng phóng khoáng hơn Viễn Sư nhiều. Sư luôn tinh thuần nguyện sinh An Dưỡng. Năm Nghĩa Hy thứ mười, Sư đang nằm bệnh bỗng sửa y đòi giày muốn đi, chúng kinh hãi hỏi. Sư bảo: “Phật đến.” Nói xong liền tịch, mùi hương lạ suốt bảy ngày mới tan. Táng Sư ở phía Tây nam chùa, Sư thọ tám mươi ba tuổi. Đời Đường vua Huyền Tông xuống chiếu xây lại tháp, truy thụy phong cho Sư là Giác Tịnh Đại sư và tháp là Thật Trí.

### 3. Pháp sư Tuệ Trì

Sư là em cùng mẹ với Sư Tuệ Viễn. Thuở nhỏ đọc sách một ngày nhớ bằng cả mười ngày. Năm mười tám tuổi Sư cùng anh kính thờ An Sư, khắp học các kinh, xem đủ ba tạng. Khi An Sư ở Tương dương sai hai anh em Sư cùng đến phía Đông ở tại Lô sơn. Sư hình thù cao tám thước, mặc áo phủ gối. Người học khoảng ba trăm thì Sư đứng đầu. Thái Thú Dự Chương là Phạm Ninh thỉnh Sư giảng kinh Pháp Hoa và luận A-tỳ-đàm, người bốn phương đến như mây đùn. Lang Tà Vương Tuân viết thư hỏi Ninh về hai anh em Viễn, Trì ai hơn? Ninh đáp anh hiền mà em cũng hiền. Tuân lại hỏi: Chỉ thành thực như người em cũng hiếm có, huống lại hiền nữa ư? Ngài La-thập khi vào Quan Trung vẫn ở xa quý kính Sư, luôn viết thư giao hiếu. Năm Long An thứ ba, Sư từ già anh vào nước Thục. Viễn Sư giữ lại bảo rằng: Người đời thích gần gũi sao em lại muốn chia lìa? Sư đáp: “Tình thương trời cột khó thể xuất gia. Nay đã cắt lìa chỉ cốt cầu đạo, chỉ mong hẹn gặp nhau ở Tây phương.” Liền buồn bã từ biệt anh đến Bì Huyện ở Thành Đô, ở tại chùa Long Uyên mà hoằng

hóa Phật pháp rộng khắp. Mỗi khi lên giảng đường đều gọi là đấng Long môn. Năm Nghĩa Hy thứ tám, Sư thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi. Khi lâm chung Sư căn dặn mọi người nên giữ nghiêm giới hạnh và chuyên tâm tu tịnh nghiệp. Giao gian Kinh sách phía Đông cho Đạo Hoằng, gian phía Tây cho Đàm Lan. Vì Đạo Hoằng hạnh nghiệp thanh mẫn, còn Lan thì tính trời sáng suốt, đều là những người có thể nối thạnh nghiệp Sư.

#### **4. Pháp sư Đạo Sinh**

Sư họ Ngụy, người ở Cự Lộc. Thuở nhỏ theo ngài Trúc Pháp Thái xuất gia. Ngài mở Kinh ra hỏi, Sư xem qua một lần liền thuộc. Mấy năm cố chí học tập đến lúc lên tòa giảng thì biện luận lưu loát, kẻ túc học chỉ nhìn mà không dám tranh luận. Lúc đầu sư nương ngài Lô Sơn thường cho việc cần yếu của việc nhập đạo thì Tuệ giải là gốc. Bèn cùng các Sư Tăng Duệ, Tuệ Nghiêm, Tuệ Quan... cùng đi du học ở Trường An, theo học với ngài La-thập. Các Tăng đồ trong nước đều kính Sư là bậc thần ngộ. Sư từng bùi ngùi than rằng: Từ khi Kinh điển lưu hành ở Đông độ, người dịch thường bị trệ ngại về quyền văn ít thông suốt viên nghĩa. Nếu được cá quên nôm thì mới có thể nói đạo được. Do đó xem kỹ lại Chân hay Tục Đế, luyện xét Hữu Không, luận rõ nhân quả mà lập ra nghĩa về người thiện không mắc quả báo và Đốn ngộ thành Phật. Sư lại soạn ra các bộ: Nhị Đế Luận, Phật Tánh Thường Hữu Luận, Phật Vô Tịnh Độ Luận, Ứng Hữu Duyên Luận bao trùm các thuyết xưa và ý chỉ rất sâu xa. Đám người câu nệ văn từ ganh ghét đua nhau nổi lên. Sư lại dùng pháp để hiển bày ba tạng Bản kinh Nê-hoàn đến trước nhất (gồm sáu quyển) được phiên dịch, nói rằng: “Trừ loại Xiển-đề ra tất cả đều có Phật tánh.” Sư bảo: Tùy phẩm chất thì có hai thứ, nhưng đều cùng một chánh nhân Niết-bàn thì tại sao riêng loại Xiển-đề lại không có Phật tánh, ấy là vì kinh đến chưa đủ đó thôi.” Bèn xướng thuyết “Người Xiển-đề đều được thành Phật.” Khi đó Đại bản chưa truyền sang, chỉ một mình Sư nói trước. Nên đám cựu học cho là Sư phản bác Kinh, bèn trình bày giữa chúng mà đuổi Sư đi. Sư nghiêm sắc mặt thề rằng: “Nếu tôi nói trái kinh thì cho hiện thân bị bệnh cùi hủi, nếu tôi nói đúng thật tướng không trái thì cho ngày lâm chung, tôi ngồi trên tòa Sư tử giữ áo mà hóa.” Sau đó kinh đến, trong phẩm Thánh Hạnh có nói: “Một hạng Xiển-đề tuy là đoạn thiện nhưng cũng có Phật tánh.” Do đó các Sư đều hổ thẹn khâm phục Sư. Khi Sư bị đuổi, bèn đi về phía Nam vào núi Hồ Khâu, chất đá giả làm học trò rồi giảng kinh Niết-bàn, đến chỗ Xiển-đề thì nói có Phật tánh. Sư lại hỏi: Điều ta nói đó có hợp ý Phật chăng?

Thì các cục đá đều gập đầu. Khoảng một tuần nhật sau học chúng vân tập, giữa lúc trời đang trong sáng bỗng có sấm sét vây quanh điện Phật và có Rồng bay lên trời, nhân đó đổi tên chùa là Long Quang. Sư ở chùa đó thỉnh Luật Sư nước Kế Tân về dịch Luật Sa-di tất truyền ở đời. Rồi Sư từ biệt chúng trở về Lô Sơn dự vào Liên Xã. Lâu sau mới trở về Kinh đô ở tại chùa Thanh hà. Vua Văn Đế nhà Tống mở đại hội Sa-môn, đích thân ngồi ở chiếu tiệc. Cơm dâng lên khá trễ, chúng nghi là quá Ngọ. Vua bảo: Mới đúng Ngọ thôi. Sư Đạo Sinh bèn thưa: “Mặt trời sáng rõ giữa trời, trời bảo đúng Ngọ đâu thời có sai!” Rồi cầm đĩa mà ăn. Cả chúng đều ăn theo và khen là biện luận giỏi! Lúc đó Vương Hoằng, Phạm Thái Nhan đón rước Sư về tôn kính đạo phong Sư và cùng hỏi đạo. Năm Nguyên Gia mười một, ngày Canh Tý tháng mười một, Sư ở Lô Sơn lên tòa nói pháp, khi sắp xong thì chúng thấy đuôi cây phật trần rơi xuống đất. Sư tựa ghế mà viên tịch trông như đang nhập định. Các Sư nghe biết càng tin về lời thề xưa đã chứng nghiệm. Sáng hôm sau táng Sư ở đồi Tây Lô Sơn. Thuở trước Sư Tăng Triệu ở Quan Trung mới chú giải kinh Duy-ma-cật, đời cho là vị lạ, Sư càng nói rõ thâm chỉ, người càng khâm phục khen là tuyệt diệu. Sư trước thuật các kinh: Duy-ma-cật, Pháp Hoa, Nê-hoàn Tiểu Phẩm đều có Nghĩa Sớ. Lúc đó vì Sư nêu nghĩa Xiển-đề được thành Phật, do đó làm sáng tỏ luận về Đốn Ngộ, không thọ báo...

### **5. Pháp sư Đàm Thuận**

Sư người Huỳnh Long. Thuở nhỏ xuất gia theo học với ngài La-thập, giảng giải các kinh, hiểu rõ về ý chỉ sắc không vô trước. Ngài La-thập khen rằng: “Người này là Pháp khí lạ.” Sau Sư đến Lô sơn cùng tu tịnh nghiệp. Ninh Man Hiệu Úy là Lưu Tôn Hiếu ở Giang lăng lập chùa yêu cầu Sư đến trước nhất để hoàng truyền sâu rộng đạo Niệm Phật Tam-muội. Đời Tống, năm Nguyên Gia thứ hai, Sư cáo biệt chúng ngồi yên mà tịch, mùi hương lạ đầy nhà, Sư thọ bảy mươi chín tuổi.

### **6. Pháp sư Tăng Duệ**

Sư người Ký Châu, đi du học các nơi. Có lần đi qua biên giới phía Tây nước Thục bị bắt sai chẵn dê. Có người thương buôn thấy lạ nghi là Sa-môn. Khi hỏi thì Sư đều làu thông Kinh nghĩa, bèn bỏ vàng chuộc Sư về. Sau Sư sang du lịch các nước Thiên Trúc. Khi trở về đến Quan Trung theo học hỏi Kinh nghĩa với ngài La-thập. Ngài La-thập dịch kinh Pháp Hoa. Vì bản của ngài Trúc Pháp Hộ nói: Trời thấy người, người

thấy trời.” Ngài La-thập bảo: Lời nói này quá mức. Sư Tăng Duệ nói: Đó là Phi nhân và trời giao tiếp nên được thấy nhau. Ngài La-thập vui mừng dùng lời văn đó. Lâu sau Sư trở về Lô Sơn nương Viễn Sư tu tịnh nghiệp. Rồi Sư đến Kinh sư ở chùa Ô Y, giảng nói các kinh, người nghe đều khâm phục. Đời Tống, Bành Thành Vương là Nghĩa Khang vào xin thọ giới Sư bảo: Dùng lễ mà nghe thì hãy đến học. Vương bèn vào chùa nguyện tuân giữ giới pháp. Vương đem áo lông cừu điều dâng cho, Sư thường dùng để trải ngồi. Vương ngầm cho người đến nài mua với giá ba vạn quan tiền. Sư bảo: Áo này tuy không nên mặc nhưng vì là của Vương cho nên không thể bỏ. Vương nghe nói càng kính trọng Sư. Ông Tạ Linh Vận ham thích nghĩa lý Phật pháp, Sư lại hiểu rõ các tiếng địa phương, nên ông ta thường đem các âm tự trong Kinh đến cầu chứng ở Sư. Nhân đó, Sư soạn ra quyển Thập Tứ Âm Huấn, tiếng Phạm và Hán đối nhau rõ ràng. Năm Nguyên Gia mười sáu, Sư không tật bệnh, gọi chúng bảo rằng: “Ta sắp đi đây”, rồi xây mặt về hướng Tây chấp tay mà hóa. Chúng thấy chỗ Sư nằm có một hoa sen bằng vàng, hồi lâu mới ẩn mất. Sư thọ tám mươi lăm tuổi.

### **7. Pháp sư Đàm Hằng**

Sư người Hà đông. Thuở còn bé nương Viễn Công xuất gia. Năm mới mười ba tuổi đã có thể giảng nói. Các kinh sách trong ngoài Sư đều thông suốt. Đức hạnh Sư rất thanh cao mọi người đều kính phục. Thường có bầy nai lui tới quanh nơi Sư ở. Từ khi Sư vào Lô Sơn thì dốc chí tu tịnh nghiệp. Năm Nghĩa Hy thứ mười bốn, Sư ngồi yên chấp tay lớn tiếng niệm Phật mà hóa. Sư thọ bảy mươi hai tuổi.

### **8. Pháp sư Đạo Bính**

Sư người Dĩnh Châu, họ Trần. Thuở nhỏ xuất gia làm đệ tử của Viễn Sư. Sư thông suốt kinh luật rành rẽ Lão Trang, chí tiết thanh cao, lời nói và việc làm hợp nhau. Sư chuyên tâm Niệm Phật Tam-muội không hề gián đoạn. Năm Nghĩa Hy thứ mười bốn, Thái Thú Dự Chương là Vương Kiên vào núi yết kiến kính thỉnh Sư làm chủ núi để nối giảng tòa của Viễn Sư. Chúng cho Sư là người nối Đạo Pháp nên thầy đều tôn kính. Năm Nguyên Gia thứ mười hai, Sư tập chúng niệm Phật rồi đến tòa ngồi mà hóa. Sư thọ bảy mươi một tuổi.

### **9. Pháp sư Đàm Săn**

Sư người Quảng Lăng. Thuở nhỏ theo Viễn Công xuất gia, chuyên



cần tu Tịnh nghiệp lại giỏi thuyết giảng, Sư chú thích Kinh Duy-ma-cật lưu hành ở đời. Sư thường soạn Cùng Thông Luận để nói rõ việc tu kiếp trước. Sư soạn Liên Xã Lục để ghi việc vãng sinh. Sư lại biết được các loại chim thú có màu sắc gì thì khôn hay ngu, cũng hiểu rõ các loại cây cỏ cành lá có vị đắng hay ngọt, thông suốt hết các lý lẽ. Người cho là Sư đã ngầm chứng. Năm Nguyên Gia thứ mười bảy, Sư tập chúng bảo rằng: Từ khi lập chùa đến nay đã năm mươi năm, ta là người ở đây sau cùng vãng sinh Tây phương. Rồi ngồi kiết già niệm Phật được trăm tiếng và ngưng thở mà hóa. Sư thọ tám mươi tuổi.

### **10. Pháp sư Đạo Kính**

Sư họ Vương, người Lang Tà. Tổ là Ngưng Chi làm Thứ Sử Giang châu. Sư theo Viên Công xuất gia. Năm mười bảy tuổi lâu thông kinh luận, mỗi ngày đọc nhớ trên muôn lời. Sư thường than rằng trọn đời chưa chắc giới luật được vẹn toàn nên chỉ nguyện giữ yên sáu căn, chuyên trì một giới để được đắc độ là điều cốt yếu. Ngài Viên Công biết sự kiên trì chân chánh của Sư nên chấp thuận. Sư bèn dốc chí niệm Phật, sớm tối không ngưng bỏ. Khi Viên Công viên tịch, Sư bèn vào núi Nhược Tà. Đời Tống năm Vĩnh Nguyên thứ nhất, Sư gọi chúng bảo rằng: “Tiên Sư gặp bảo ta nên đi.” Liền ngồi nghiêm niệm Phật mà tịch. Chúng thấy ánh sáng đầy nhà, rất lâu sau mới hết. Sư thọ năm mươi hai tuổi.

### **11. Pháp sư Phật-đà Gia-xá (Hán dịch là Giác Minh).**

Sư thuộc dòng Bà-la-môn, nước Kế Tân. Có vị Tỳ-kheo đến nhà khát thực, người cha vốn là ngoại đạo nên giận dữ đuổi đi liền đó chân tay ông co quắp không đi được. Cậu đồng lên bảo rằng: Đã mạo phạm bậc Thánh hiền. Cha Sư bèn thỉnh vị Tỳ-kheo ấy đến xin sám hối, được mười hôm sau thì bệnh lành. Nhân đó cha cho Giá-xá xuất gia. Lúc đó Sư mới mười ba tuổi, theo thầy đi vào quảng đồng vắng thì gặp hổ. Giá-xá thưa: “Con hổ này đã ăn no ắt không hại người.” Khi tiến về phía trước giữa đường gặp đồng xương thừa. Đến mười lăm tuổi Sư tụng kinh ngày đến cả vạn lời, nhưng phải lo việc khát thực nên đành phải bỏ, Sư rất buồn lo. Có một La-hán khát thực thay nuôi Sư. Năm mười chín tuổi, Sư đọc kinh đủ số trăm vạn lời, nhưng tính hơi kiêu ngạo nên ít người kính trọng, đến năm ba mươi tuổi Sư vẫn còn làm Sa-di. Lại theo cậu học về Ngũ Minh Luận và pháp thuật thế gian (Trong Đạo Phật và ngoại đạo đều có năm minh:

1. Thanh minh.
2. Y phương minh.
3. Chú thuật minh.
4. Công xảo minh.
5. Nhân minh.

Ngoại đạo cũng có năm minh, bốn thứ trước giống, chỉ cái thứ năm là Phù Ấn Minh). Sư đến nước Sa-lặc thì được đãi ngộ trọng hậu. Rồi ngài La-thập đến, Sư bèn theo học về A-tỳ-đàm Luận và Thập tụng Luật. Sau ngài La-thập theo mẹ về nước Quy Tư, Sư ở lại lo việc hoằng hóa. Chúa Phù Kiên sai Lữ Quang đánh nước Quy Tư bắt ngài La-thập. Sư nghe chuyện than rằng: Ta cùng ngài La-thập chưa trọn hoài bảo, nay ngài bị bắt đi biết bao giờ gặp nhau. Mười năm sau Sư đến phía Đông nước Quy Tư truyền đạo rất thanh hành. Ngài La-thập ở nước Cô Tang đưa thư mời. Sư sợ người trong nước không cho đi, Sư bèn lấy nước trong bả thuốc vào rồi đọc khoảng mười câu thần chú, Sư cùng đệ tử lấy nước rửa chân rồi ra đi ngay trong đêm ấy. Đến sáng đã đi hơn mấy trăm dặm, có ai đuổi theo cũng không kịp. Sư hỏi đệ tử sao biết. Đệ tử thưa: chỉ nghe tiếng gió ù ù, hai mắt bết lệ. Sư bèn lấy nước đọc chú rửa chân thì hết. Khi đến Cô Tang thì ngài La-thập đã vào Trường An. Nghe nói Diêu Chúa bắt ép La-thập nạp thiếp, bèn than rằng: La-thập như gấm lụa quý sao nữ quăng vào bụi gai. Ngài La-thập khuyên Diêu Chúa sai sứ thỉnh Sư về. Khi Sư đến thì riêng lập cho Sư Tĩnh Tự ở vườn Tiêu dao, tứ sự cúng dường nhưng Sư không thọ nhận chi cả. Đến giờ Sư đi khát thực về ăn. Lúc đó ngài La-thập dịch xong Thập Trụ Kinh. Sư lại xét kỹ về lời và lý rồi mới chấp nhận. Sư có bộ ria màu đỏ, rất giỏi về Tỳ-bà-sa Luận nên người thời ấy gọi Sư là Luận Chủ ria đỏ. Trong năm đầu Hoằng Thủy, Sư dâng chiếu dịch Tứ Phần Luật (bốn mươi bốn quyển), Trường A-hàm (hai mươi hai quyển). Năm Nghĩa Hy thứ tám, Sư đến Lô sơn và nhập vào Liên Xã. Sau từ biệt trở về nước. Từ nước Kế Tân Sư gửi một quyển kinh Hư Không Tạng nhờ thương buôn đem đến Kinh châu.

### ***12. Pháp sư Phật-đà Bạt-đà (Hán dịch là Giác Hiền).***

Sư họ Thích-ca, là dòng họ sau cùng của Cam Lộ Phạm Vương ở nước Ca-duy-la. Lúc còn nhỏ cha mẹ mất sớm, Sư xuất gia làm Sa-di. Năm mười sáu tuổi Sư học khắp các kinh, hiểu rành Thiên Luật, thường cùng Tăng-già Đạt-đa dạo chơi nước Kế Tân. Trong khi Đạt-đa đóng cửa ngôi thiền bồng thấy Sư đến bảo: “Tôi tạm về cõi Đâu-suất kính

lễ Đức Di-lặc”, nói xong liền biến mất. Sau càng thấy sự thần biến của Sư, bèn chí kính hỏi thăm mới biết Sư đã chứng quả Bất Hoàn. Lúc đó ngài Diêu Tấn Sa-môn là Trí Nghiêm đến nước Kế Tân, nhìn thấy pháp chúng thanh tịnh bèn búi ngùi hưởng về Đông độ bảo rằng: “Các bạn Đạo nước tôi chưa gặp được bậc chân tu làm sao phát ngộ.” Liền hỏi chúng rằng: Ai có thể đáp ứng lời thỉnh cầu của tôi đến giáo hóa Đông độ? Mọi người đều bảo: Người đó là Bạt-đà-la. Trí Nghiêm liền yêu cầu Sư cụ bị lương thực cùng đi. Sư trải khắp các nước, khi đến Quận Giao Chỉ thì nương thuyền buồm ra biển. Đạt-đa đang ở Đông Lai Thanh Châu nghe ngài Cưu-ma-la-thập ở Trường An bèn đến theo về. Tần Thái tử là Hoằng thỉnh Sư đến ở Đông Cung, tập chúng nói pháp. Sư cùng La-thập luận về nghĩa Sắc Không, Sư bảo: Thầy chỉ nói được quả trong Sắc Không mà không nói được nhân trong Sắc Không. La-thập hỏi: Vì sao? Sư đáp: Một Vi không nên có nhiều Vi không, nhiều Vi không nên có một Vi không. Trong một Vi không chẳng có nhiều Vi không, trong nhiều Vi không chẳng có một Vi không, qua lại nhiều phen. Ngài La-thập không hiểu. Tần chúa thiết trai cúng dường ba ngàn Tăng chuyên tu Nhân Sự, mà Sư thì chuyên phần Thiền Tịnh. Bỗng Sư gọi đệ tử bảo rằng: Ta thấy năm thuyền buồm từ nước mình ra đi. Chúng cho là Sư nói xàm. Nhân đó cùng đuổi Sư đi. Sư bèn cùng đệ tử là Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán... hơn bốn mươi người cùng đến Hương Cốc ở Lô Sơn cất chòi tranh mà ở. Lúc đó Hội Liên Xã Viễn Công cho Sư bị đuổi đi là lỗi của môn nhân. Việc nói trước năm tàu buồm đối với Luật không phạm. Liền sai đệ tử là Đàm Ấp dâng thơ lên Tần Chúa xin giải tội Tẩn cho Sư. Rồi thỉnh Sư ở Đông lâm dịch ra một số Kinh Thiền. Từ đó Giang đông mới biết đến Thiền duyệt. Nhưng Sư có chí muốn du hóa. Bèn đi về phía Tây đến Giang lãng ôm bát khát thực. Quả nhiên thấy có năm tàu buồm từ Thiên Trúc đến nơi. Sau Sư trở về Kinh Đô lập chùa đạo tràng. Trước đó Chi Pháp Lãnh ở nước Vu Điền được Bộ Hoa Nghiêm bản tiếng Phạm có ba mươi sáu ngàn bài kệ chưa ai dịch. Năm Nghĩa Hy thứ mười bốn, ở Ngô Quận, Nội Sử Mạnh Khải, Tả vệ Tướng Quân Trử Thực Độ thỉnh Sư làm chủ dịch thuật cùng các Sa-môn Pháp Nghiệp, Tuệ Nghĩa, Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán... làm bút thợ, dịch ra sáu mươi quyển. Sáng sớm có hai thanh y từ ao chui lên quét dọn mài mực. Sư trước sau dịch được: Kinh Quán Phật Tam-muội, kinh Bát-nê-hoàn, luận Tu Hành Phương Tiện và Đại tạng-kỳ Luật của ngài Pháp Hiển thỉnh về gồm mười lăm bộ. Đời Tống, năm Nguyên Gia thứ sáu, Sư niệm Phật mà tịch. Tháp Sư ở ngọn phía Bắc của Lô Sơn.

### 13. Lưu Trình Chi

Ông tự là Trọng Tư, người Bành Thành, là hậu duệ của Hán Sở Nguyên Vương, rất giỏi về Lão Trang, rành rõ Bách Thị. Lúc nhỏ ông sớm mồ côi cha, thờ mẹ hiếu kính nổi tiếng, ông tự ý tài không dự chơi với kẻ tầm thường. Lúc đầu ông làm Tham Quân cho Phủ. Tạ An, Lưu Dụ khen là người hiền liền tiến cử, ông cố sức từ chối. Tánh thích Phật pháp bèn đến Lô sơn quyết chí gửi mình. Viễn Công nói: Việc quan lộc vùi vùi sao không làm? Ông đáp: Vua quan nghi nhau tôi làm sao được? Lưu Dụ thấy ông bất khuất bèn ban hiệu là Di Dân. Kịp lúc Lôi Thứ Tông, Chu Tục Chi, Tông Bích, Trương Thuyên, Tất Dĩnh Chi... cùng đến Lô sơn. Viễn Công gọi bảo: Các ông đến đây há còn tránh việc ngao du cõi Tịnh Độ ư? Trình Chi bèn đục đá làm lời thề để tỏ chí khí (văn thấy ở Lô Sơn tập). Bèn cùng đến khe núi phía Bắc ở Tây Lâm riêng lập Thiền Phường, an bản nuôi chí cả, nghiên tìm huyền lý, giữ gìn cấm giới. Tông Bích và Trương Thuyên đều kính phục. Có lần Sư viết thư đến Quan Trung cùng La-thập và Tăng Tiệu luận bàn Kinh Nghĩa. Ông có làm Niệm Phật Tam-muội Thi để bày tỏ ý chuyên niệm Phật, tọa thiền. Mới được nửa năm, ở trong Định ông thấy hào quang Phật chiếu sáng khiến đất hóa vàng. Tu được mười lăm năm, ngay trong lúc niệm Phật, ông thấy Đức Phật A-di-đà bằng ngọc phóng hào quang đưa tay tiếp dẫn. Trình Chi bạch Phật rằng: Con đâu được Như Lai xoa đầu và đắp y cho. Phút chốc thấy Phật xoa đầu và choàng cho áo ca-sa. Một hôm ông thấy vào ao thất bảo, có hoa sen xanh và trắng, nước sâu trong suốt. Có một người ở sau cổ có viên quang, trên ngực có chữ vạn chỉ tay vào ao nước bảo rằng: “Đây là nước Bát Công Đức người nên uống vào.” Trình Chi uống vào thấy nước rất ngon ngọt. Khi tỉnh dậy thì biết mùi hương lạ còm thấm đầy lỗ chân lông. Bèn tự an ủi rằng: “Duyên Tịnh Độ của ta đã đến.” Lại thỉnh chư Tăng tụng kinh Pháp Hoa gần mấy trăm biến. Sau đó chư Tăng đều tập họp hết trên đồi Lô. Trình Chi đến trước tượng Phật thấp hương kính lạy khẩn nguyện rằng: Con theo lời dạy bảo của Đức Thích-ca mà biết có Phật A-di-đà, nên hương này con nguyện cúng dường Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, kế đến cúng dường Đức Phật A-di-đà, sau là cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sở dĩ được vãng sinh Tịnh độ là do công đức kính này, con nguyện tất cả chúng hữu tình đều vãng sinh Tịnh độ. Rồi ông già biệt chúng đến giường nằm quay mặt về hướng Tây chấp tay ngưng thở mà hóa. Vua sắc lệnh cho con là Ung chứa đất làm mộ không dùng quan quách, lúc đó là năm Nghĩa Hy thứ sáu. Ông thọ năm mươi chín tuổi (Lô

sơn tập ghi chép sự tích cảm ứng rất rõ).

#### **14. Trương Dã**

Ông tự là Lai Dân, người ở Sài Tang Tâm Dương, có ước chuyện hôn nhân với Uyên Minh. Trương Dã học rành tiếng Hoa và Phạm, rất thuộc thi văn, thích bè bạn, tất cả ruộng nhà đều giao cho em coi sóc, một thức ăn ngon cùng chia đều cho chín họ. Châu đề cử ông chức Tú Tài, Nam Trung Lang Phủ Công Tào Châu Thị Trung cử ông làm Tán Kỵ Thường Thị, ông đều không nhận, rồi vào Lô Sơn nương ngài Viễn Công, cùng Lưu Dự, Lôi Thứ Tông chuộng Tịnh Nghiệp. Khi Viễn Công tịch rồi Tạ Linh Vận làm bài minh, Trương Dã làm lời tựa ở đầu xưng là môn nhân. Người đời khâm phục nghĩa khí của ông. Năm Nghĩa Hy thứ mười bốn, ông từ biệt người nhà, vào thất ngồi nghiêm mà tịch. Ông thọ sáu mươi chín tuổi.

#### **15. Chu Tục Chi**

Tự là Đạo Tổ, người ở Nhạn Môn. Sau cha sang Giang Nhân ở tại Dự Chương. Năm tám tuổi ông có tang mẹ khóc lóc thảm thiết hơn người lớn. Năm mười hai tuổi ông đến học với Phạm Ninh thông suốt Ngũ Kinh Ngũ Vĩ, lúc đó người gọi ông là Thập Kinh Đồng Tử. Ông có chí nhàn cư nghiên cứu tận cùng về Lão Dịch, ông luôn tránh giao tiếp với hàng công khanh. Ông vào Lô Sơn thờ Viễn Công tham dự Liên Xã. Ông cho rằng thân không thể để sót mất, các thứ phiền lụy khác cần phải dứt bỏ, bèn trọn đời không cưới vợ, mặc áo vải ăn tương rau. Lưu Nghị ra trấn giữ Cô Thục khiến ông làm Võ Quân, sau dời làm Thái Học Bác Sĩ nhưng ông đều không nhận. Vì Kê Khang Cao Sĩ Truyện nói đúng nghĩa xuất xử nên ông đem chú thích. Đời Tống, vua Võ Đế đem quân Bắc phạt, Thái tử ở lại thủ thành đón ông đến chùa An Lạc làm lễ giảng kinh, được hơn tháng thì ông trở về núi. Thái Thú Giang châu là Lưu Liễu Tiến ở thời Võ Đế mời ông làm Phó Thái Úy nhưng ông không nhận. Võ Đế noi theo, vời ông đến Đô Gian Quán ở phía Đông ngoại thành, vua ngồi xe đến hỏi ông về ba nghĩa trong Lễ Kinh thì ông biện luận rất tinh vi khác thường. Có người hỏi thân làm ẩn sĩ mà thường vào cung vua là sao? Đáp: Tâm để ý đến Triều khuyết thành ra gông cùm kẻ giang hồ, còn tình trí đều quên thì chợ búa hay triều đình khác nào vào rừng núi. Lúc đó người ta gọi ông là Thông Ẩn Tiên Sinh. Tục Chi vốn có bệnh phong tê nên không thể đi giảng bèn vào Chung Sơn dưỡng bệnh. Năm Cảnh Bình một thì qua đời, thọ sáu

mười bảy tuổi.

### **16. Trương Thuyên**

Tự là Tú Thạc, con của Trương Dã. Tính thích cao dật, rất chuộng sách vở cổ. Cả khi đi cày bừa vẫn mang theo kinh sách không rời. Triều đình mời ông làm Tấn Kỵ Thường Thị nhưng ông không nhận. Dữu Duyệt thấy ông nhà nghèo cử ông làm quan Tầm Dương Lệnh. Ông cười bảo: “Người xưa lấy việc nuôi cha mẹ làm yên, nếu cú luôn vì lợi lộc sao đủ làm vinh.” Bèn vào Lô Sơn nương ngài Viễn Công, nghiên cứu sách Phật có chỗ ngộ nhập sâu xa. Đời Tống năm Cảnh Bình thứ nhất, không bệnh tật ông xây mặt về hướng Tây niệm Phật rồi ngồi yên mà qua đời, ông thọ sáu mươi lăm tuổi.

### **17. Tông Bích**

Tự là Thiệu Văn, người ở Nam Dương. Bà mẹ rất thông minh, học thức nhiều, dạy các con đều thành đạt. Tông Bích rất giỏi về đàn sách, rành rẽ huyền lý. Ân Trọng Kham và Hoàn Huyền mời ông làm chủ bạ nhưng ông không nhận. Khi Lưu Dự thống lĩnh Kinh châu lại mời ông làm Chủ bạ. Ông đáp: Đã quen ở núi rừng, uống nước khe từ ba mươi năm rồi! Bèn vào Lô Sơn dựng thất, nương Viễn Công dự vào Liên Xã, lâu sau người anh là Tang làm Quận thú Nam Bình ép ông cùng về ở Giang lăng, nhưng ông chỉ thích ẩn cư lánh tục. Lưu Dự mời ông ra làm Thái Úy Duyệt, ông cũng không nhận. Người anh thứ hai có binh lính rất đông lại mở mang việc ruộng nương. Võ Đế phong làm trưởng Nam Quận, thường đưa lương đến cho ông. Hành Dương Vương là Nghĩa Quý ở Kinh châu đích thân đến thất ông, ông đội khăn mặc áo vải ra yết kiến không lạ. Vương hỏi: Xử Tiên sinh chẳng trọng lợi lộc ư? Ông đáp: Lợi lộc như cỏ mùa Thu, hết thu liền héo. Vua Tống được nhường ngôi bèn dùng ông làm Thái tử Xá Nhân. Năm đầu Nguyên Gia lại mời ông làm Thông Trực Lang. Thái tử lập ông làm Trung Thứ Tử, ông đều không nhận. Vợ ông là La Thị cũng là người có chí khí cao. La Thị chết, ông khóc thương thảm thiết. Bỗng dứt nhanh buồn thương, ông bảo Sa-môn Tuệ Kiên rằng: Việc sống chết chưa dễ đạt được, ba lần răn bảo mới nguôi ngoai. Ông thích xem sơn thủy đến nơi thì quên về. Từ Tây đến Kinh Vu, Nam lên Hành Nhạc, nhân đó dựng nhà trong núi chí thích bình dị. Vì bệnh ông phải trở về Giang lăng, than rằng: Già bệnh cùng đến danh sơn khó có dịp thăm lại, chỉ ôm nỗi quan hoài nằm mơ việc đạo chơi. Các nơi đã dạo chơi ông đều vẽ lại để trong thất. Gọi người



bảo rằng: “Võ đờn nhảy múa cho vang tiếng khắp núi đồi.” Đời Tống, năm Nguyên Gia hai mươi bốn ông qua đời, thọ sáu mươi chín tuổi.

### **18. Lôi Thứ Tông**

Tự Trọng Luân, người ở Nam Xương Dự Chương, học rộng, rành thi lễ. Ông vào Lô Sơn dự vào Liên Xã, lập Quán ở phía Đông của Đông lâm. Năm Nguyên Gia mười lăm, vua triệu ông về Kinh Sư lập Học Quán ở núi Kê Lung dạy cả trăm học trò, phong ông làm Cấp Sự Trung nhưng ông không nhận. Lâu sau ông trở về Nam Xương, Công Khanh Tổ Đạo tiễn đưa. Ông viết thư cho cháu bảo rằng: Từ thuở bé thơ ta đã nuôi chí lập công ở phương xa, đến tuổi trưởng thành ta gửi thân nơi Lô Sơn thờ Thích Hòa thượng, giao tiếp đạo cao đẹp hơn hai mươi năm. Khi Viễn Công viên tịch thì ta lại trở về cùng các cháu cày cấy nơi gò cũ, ở núi rừng uống nước khe, thoát mà đã mười năm. Kịp nay chưa già nên gắng sức chọn lấy nghiệp vãng sinh lạc quốc. Từ nay trở đi mọi việc lớn nhỏ trong nhà không biết đến nữa. Năm Nguyên Gia hai mươi lăm, vua mời về làm chức Tán Kỵ Thường Thị nhưng ông không nhận. Lại đòi ông về Kinh Sư dựng thất ở Chung Sơn gọi là Chiêu Ấn Quán. Ông thường từ vườn Hoa lâm vào Diên Hiền Đường để giảng Lễ Kinh cho Thái tử và các Vương gia. Năm ấy ông không bệnh mà qua đời, thọ sáu mươi ba tuổi. Con là Túc Chi nối nghiệp cũ làm quan đến chức Dự Chương Quận Thờ.

Về truyện mười tám bậc hiền lúc đầu không biết tên tác giả, chỉ nghi là từ Lô Sơn nêu ra mà thôi. Trong khoảng năm Hy Minh, Gia hòa Hiền Lương Trần Lệnh Cử mới sửa qua. Đầu năm Đại Quan, Sa-môn Hoài Ngô thấy sự tích quá sơ lược bèn thêm vào cho rõ. Nay khảo cứu các bộ Lô Sơn Tập, Cao Tăng Truyện và các sử đời Tấn, đời Tống, lại căn cứ vào bản của Hoài Ngô mà sửa thêm vào, một việc nhỏ cũng không sai. Từ nay được xem là bản đúng nhất.

## **TRUYỆN VỀ MỘT TRĂM HAI MƯƠI BA VỊ:**

### **1. Đàm Dực**

Người ở Dự Hàng. Lúc đầu vào Lô sơn nương học Viễn Công, sau đến Quan Trung tham kiến ngài La-thập. Rồi trở về Đông đến Cối kê vào núi Thái Vọng, tụng kinh Pháp Hoa suốt mười hai năm, chiêu cảm được Bồ-tát Phổ Hiền hóa ra cô gái khoác áo màu, xách một lồng tre có con heo trắng với hai củ tỏi lớn đến trước Sư bảo rằng: Thiếp vào núi hái rau, trời đã tối, sài lang hung dữ trở về thì chết, vậy xin Sư cho

thiếp ngủ nhờ một đêm. Sư cực lực từ chối, cô gái than khóc mãi không thôi, cuối cùng Sư bảo ngủ đỡ trên giường cỏ. Nửa đêm cô gái kêu đau bụng bảo Sư lấy tay xoa bụng. Sư từ chối bảo rằng vì trì giới không thể chạm tay được. Cô gái càng kêu khóc rên rỉ, sư phải lấy vải bọc cây tích trượng lại rồi đứng xa mà ấn xoa tới lui. Sáng hôm sau, áo màu cô gái biến thành mây lành, heo biến ra voi trắng. Tỏi biến thành đôi hoa sen, bay lên hư không gọi Sư bảo rằng: “Ta là Phổ Hiền Bồ-tát đến đây thử nhà người.” Quận Thái Thú là Mạnh Khải đem việc nghe thấy tâu lên triều đình. Vua ra lệnh xây chùa Pháp hoa (nay là chùa Thiên Y). Lúc đầu Sa-môn Pháp Chí ở Dư Hàng tụng kinh Pháp Hoa, có chim trĩ làm ổ ở bên am lượn bay tập hợp ở góc tòa có dáng như nghe kinh. Như thế suốt bảy năm. Một hôm thấy trĩ ốm o, Sư Pháp Chí bảo: “Người hay nghe kinh ắt sinh làm người.” Sáng hôm sau thấy trĩ chết bèn đem chôn. Đêm đến mộng thấy một cậu bé đến lạy thưa rằng: Nhân nghe kinh mà được thoát thân chim, nay sinh vào nhà Vương thị ở trước núi. Về sau nhà ấy thiết trai cúng dường. Sư Pháp Chí vừa đến thì đứa bé reo lên “Sư phụ con đến rồi!” Sư vỗ nhẹ bảo: Con là bé Trĩ của ta đây mà! Bèn cởi áo thì thấy dưới nách bé có ba sợi lông trĩ. Đến bảy tuổi cho bé vào núi xuất gia, mười sáu tuổi xuống tóc. Vì ở nách có lông trĩ nên đặt tên Đàm Dục.

## 2. Đàm Ấp

Sư họ Dương, người ở Quan Trung. Thân hình cao tám thước hùng dũng hơn người. Từ phía Nam vào Lô Sơn nương ngài Viễn Công. Tất cả kinh điển nội ngoại Sư đều thông suốt. Sư cất chòi tranh trên núi phía Tây để ở. Có đệ tử là Đàm Quả đang tu thiền. Một tối mộng thấy Thần Núi đến xin thọ giới Pháp. Quả bảo: Thầy tôi ở đây ông có thể đến xin. Sư Đàm Ấp bỗng thấy có người mặc áo kép, dáng vẻ đoan nhã có khoảng ba mươi người cầu xin thọ giới. Vì Quả đã nằm mộng trước nên Sư biết đó là Thần núi, bèn nói pháp và truyền cho năm giới. Thần bèn cho hai cái cốc ở nước ngoài, lễ tạ lui ra. Sau Sư đến hành hóa và tịch ở chùa Trúc lâm.

## 3. Tăng Tế

Sư vào Lô Sơn hỏi đạo và ngộ được ngộ chỗ thâm yếu. Viễn Công khen rằng: Nổi thanh Đạo lớn chính là ông vậy. Khi Sư bệnh, Viễn Sư cầm đuốc đưa cho bảo rằng: Hãy nương chứng cứ này mà lập tâm cầu An Dưỡng. Sư cầm đuốc ngừng tưởng, đón Tăng tụng kinh Tịnh Độ.

Đến canh năm Sư đưa đốc cho đệ tử là Nguyên Bạc, rồi theo Tăng hành lễ. Phút chốc có cảm giác mình đang cầm đốc bay lên hư không, thấy Đức A-di-đà dặt tay đưa đi kính lễ khắp chư Phật. Giây lát tỉnh lại, mừng rỡ bảo rằng: Ta chỉ một chiều Quán Niệm mà được Phật tiếp dẫn. Sáng hôm sau lại thấy Phật và Bồ-tát trên không trung gọi Bạc bảo rằng: “Phật đến rồi.” Rồi ngược đầu nhìn về hướng Tây thở một hơi mà hóa. Lúc đó trời nóng bức, để nhục thân Sư suốt ba ngày vẫn không biến đổi, mùi hương lạ ngào ngạt.

#### **4. Tuệ Cung**

Sư người Phong Thành Dự Chương, là bạn đồng chí hướng với Tăng Quang, Tuệ Kham, Tuệ Lan, nhưng về học lực thì các bạn này không bằng Cung mà việc chuyên Quán Tĩnh Độ lại hơn Cung. Lan gọi Cung bảo rằng: Anh tuy học vấn cao rộng đâu chẳng biết như kinh nói: “Kẻ điếc tấu nhạc vui tai người mà không nghe được. Cung bảo: “Nếu học không xong thì khác nào người chưa chết, mịt mù như ngu dại.” Sau đó bảy năm các vị Lan... đều qua đời cả, lúc chết có nhiều ứng nghiệm kỳ lạ. Năm năm sau, Cung bị bệnh nặng, than rằng: “Sông lớn nước chảy có bao giờ ngừng, sinh tử tới lui ta sẽ về đâu.” Rồi đập đầu khóc như mưa, quyết chí niệm Phật cầu sinh An Dưỡng không chút gián đoạn. Bỗng thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ đem Kim đài đến đón rước, Cung bèn lên ngôi, thì thấy bọn Tuệ Lan... cùng ngồi trên đài trong ánh sáng bảo Cung rằng: “Trưởng lão đã thọ sinh ở Thượng Phẩm, bọn tôi không hơn được, xin chúc mừng, chỉ hiềm ngũ trước còn kéo dài nên lên muện mà thôi!” Ngay hôm đó, Cung cáo biệt chúng rồi vui vẻ viên tịch. Lúc đó là năm Nghĩa Hy thứ mười một (trong Lô Sơn Tập có chuyện Cảm ứng của Cung Đạo Nhân khi lâm chung).

#### **5. Pháp An**

Lúc đầu nương Viễn Công làm đệ tử, giỏi về giảng nói lại tập thiền và giữ giới rất tinh chuyên. Trong năm Nghĩa Hy, Ấp Xã Tân Dương có cọp dữ ẩn nấp trong miếu thần dưới cội cây, trước sau giết chết cả trăm người. Khi An đến thôn, dân cư ở đấy đều đóng cửa sớm nên ra ngồi thiền dưới gốc cây. Bỗng chốc cọp tha người về thấy Sư An bèn vừa sợ vừa mừng rồi nằm phục xuống. Sư bèn nói pháp và truyền giới cho, giây lát cọp liền bỏ đi. Sáng ra cư dân thấy Pháp An cho là thần nhân bèn dẫn nhau đến kính lễ. Nhân đó sửa miếu thành chùa rồi thỉnh an về ở, tất cả ruộng vườn chung quanh đều cúng cho chùa. Có

lần Sư muốn vẽ tượng nhưng thiếu màu xanh đồng lo nghĩ là khó kiếm được. Bỗng mộng thấy một người quỳ ở trước giường thưa rằng: “Ở dưới đây có chuông đồng.” Khi tỉnh dậy Sư bèn đào đất lên thì nhặt được hai quả chuông. Bèn lấy màu xanh vẽ tượng, còn một chuông đem giúp Viễn Công để đúc tượng Phật. Sau không biết Sư qua đời ở đâu.

### **6. Khuyết Công Tắc**

Ông vào Bạch Liên Xã ở Lô Sơn. Khi đã chết, có người đồng xã Bạch Liên với ông đến chùa Bạch mã ở Lạc Dương, trong đêm cúng giỗ ông, bỗng thấy có một lúc các rừng cây chùa chiền, nhà cửa đều có màu vàng rờng. Trên không trung lại có tiếng nói rằng: Ta là Khuyết Công Tắc, nguyện sinh An Lạc Quốc nay đã được sinh. Nói xong liền biến mất.

### **7. Lục Tu Tĩnh**

Ông là người Ngô Hưng, sớm làm Đạo sĩ đặt quán tại Lô sơn. Lúc Viễn Pháp sư ở Đông lâm, ở chỗ dòng suối chạy quanh chùa đổ xuống khe, mỗi lần tiễn khách đi ngang qua đây liền nghe tiếng hổ gầm, nhân đó đặt tên là Hổ Khê. Về sau tiễn khách không đi qua đây nữa. Riêng có Đào Uyên Minh và Tu Tĩnh đến, vì mãi nói chuyện Đạo có chỗ khế hợp nên không biết là đã đi qua chốn ấy, bèn cùng cười to. Nhân đó đời truyền lại Tam Tiểu Đồ. Đời Tống năm Thái Thủy thứ ba, Tu Tĩnh qua đời ở Kinh châu. Vua Thụy Phong là Lan Tịch, do lấy chỗ ở cũ mà làm Quán (Vân Cấp Thất Tiêm Bản Truyện nói ông mất năm Nguyên Hy thứ năm).

## **TRUYỆN VỀ CÁC HIỀN KHÔNG VÀO LIÊN XÃ:**

### **1. Đào Tiêm**

Ông tự là Uyên Minh (cũng có tự là Nguyên Lượng), là cháu cố của Đại Tư Mã Khản nhà Tấn. Lúc còn nhỏ đã có chí cao thượng. Ông làm truyện Ngũ Liễu Tiên Sinh để tự ví mình. Người thời ấy cho ông là Thực Lục. Lúc đầu ông làm Kiến Oai Tham Quân, gọi thân bằng bảo rằng: Có kẻ muốn đờn ca mà khảy đờn ba dây. Người chấp sự nghe thấy cho là Bành Trạch Lệnh. Quận sai người mang thư Đô Đốc đến, Quan Huyện bảo ông nên thắt đai lưng mà tiếp kiến. Ông than rằng: Ta không thể vì năm đấu gạo mà phải thắt lưng luôn cúi bầm dạ kẻ tiểu nhân trong thôn ấp. Bèn treo ấn từ quan ra khỏi huyện rồi làm bài Phú Quy Khứ Lai. Kịp khi vua Tống được nhường ngôi, ông tự cho mình là

hậu duệ của Quan Tể Phụ nhà Tấn, thẹn phải luôn cúi ở đời vua khác, nên Sài Tang Tầm Dương cùng với hai người nữa là Chu Tục Chi, Lưu Di Dân không nhận lệnh vua mời ra làm quan. Đời gọi là ba Ẩn Sĩ Tầm Dương. Ông từng nói ngày Hạ nằm khểnh hóng gió. Dưới cửa sổ phía Bắc gió mát rượi, Tự gọi là Hy Hoàng Thượng Nhân mà không hiểu âm luật. Ông chỉ có một cây đàn không đủ dây. Mỗi khi gặp bạn rượu thì vỗ đàn hòa giọng rồi bảo: Chỉ biết thú trong đàn, đâu cần đàn lên tiếng. Có lần ông đến Lô sơn, bắt hai đứa môn sinh công kên ông lên núi. Lúc đó Viễn Pháp sư và các Hiền lập Liên Xã viết thư mời Uyên Minh. Minh bảo: Nếu cho uống rượu thì đến. Bèn cho ông liền đến. Bỗng ông nhú mày rồi bỏ đi. Đời Tống năm Nguyên Gia thứ tư, ông tạ thế. Đời gọi ông là Tĩnh Triết Tiên Sinh.

### **2. Tạ Linh Vận**

Tổ tiên có công với nhà Tấn, Linh Vận là cháu của Công chúa Khang Lạc, được tập phong làm Khang Lạc Công. Ông nổi tiếng văn chương đệ nhất vùng Giang Tả (phía Giang Hữu là Kim lăng). Có lần ông mang guốc gỗ lên núi, khi lên thì ông tháo bớt hai đế trước, khi xuống thì ông bỏ bớt hai đế sau. Trèo non vượt núi mãi lên đến đỉnh cao rậm mát. Đến Lô Sơn chỉ mới gặp Viễn Công lần đầu thì ông đã rất tâm phục. Bèn xây đài để dịch kinh Niết-bàn, đào ao trồng sen trắng. Lúc đó Viễn Công và các Hiền cùng tu nghiệp Tịnh độ, nhân đó đặt là Bạch Liên Xã (có người nói ông đào hai ao, ao phía Đông và ao phía Tây). Linh Vận có lần xin vào Liên Xã, nhưng Viễn Công thấy tâm ông chưa thuần nên ngăn không cho.

### **3. Phạm Nịnh**

Ông tự là Võ Tử, học nhiều hiểu rộng. Nhưng lúc bấy giờ thì hàng nho nhã ngày thêm vắng bóng, đám phù hư càng lúc bon chen. Nịnh cho rằng hai ông Vương Bào và Hà Yến khởi đầu tệ phù hư này nên tội nặng hơn cả Kiệt Trụ, bèn làm luận bác bỏ. Nhiều phen vua mời làm Trung Thư Thị Lang. Triều đình nghi ngờ bèn kêu ông lên nghị bàn tra hỏi rồi bổ ông ra làm Thái Thú Dự Chương. Ông mở mang trường sở, xây cất học đài, dụng công rất to lớn. Thứ Sử Vương Ngưng Chi tâu lên vua ông có tội phạm thượng, bèn bị bãi quan trở về nhà. Viễn Công bèn mời ông vào Liên Xã, nhưng cuối cùng ông không đến được.

### BÀI VĂN BIA VỀ LÔ VĂN PHÁP SƯ:

Pháp sư huý là Tuệ Viễn, họ Cổ, người ở Lô Phiền Nhạn Môn. Sư vốn thể chất yếu ớt nhưng hiếu học. Năm mười hai tuổi Sư theo cậu là Lệnh Hồ Thị du học ở Hứa Lạc, nên từ nhỏ đã sớm làm thư sinh. Năm hai mươi một tuổi Sư muốn vượt sông để theo Phạm Tuyên Tử. Nhưng lúc đó Vương Lộ chưa thông nên có chí mà không thành. Bèn ở Quan Hữu gặp ngài Thích Đạo An một mực tôn kính cho thật là thầy mình. Rồi ném trâm xuống tóc xin đến thẳng đạo tràng. Sa-môn Đàm Dực cung cấp phí đèn nhang. An Công bảo: Đạo Sĩ này thật biết rõ người. Pháp sư nhờ nhiều kiếp sáng suốt nay biểu hiện một đời linh trí. Đạo tình thấm thiết, hiểu biết sâu xa, thấm đượm Bát-nhã Vô Sinh, quán chiếu Đạo hạnh tâm tức. Diệu lý được kể cao ngộ thấu triệt, Tông ngẫm cùng sánh với thâm tâm. An Công khen rằng: Khiến đạo lưu hành ở Đông độ đâu cần người phương xa! Đầu năm Thái Nguyên, Tương dương đã mất, Sư chống tích tượng Nam du, tìm thất ở đồi Lô, cất nhà trong hẻm núi, vì đồng khế hợp nên không khiến mà mọi người đều đến. Sư nghe đạo rồi phát thệ hẹn một lòng tinh tấn. Từ đó đến tuổi năm mươi chưa hề xuống núi. Họ Hoàn lấy oai Trấn Chủ ép bức khuất uy, Sư vẫn kiên trì lấy lẽ giả bệnh từ chối. Bỗng chốc ra lệnh Sa-môn phải kính lạy vua Chúa. Pháp sư vì lo Đại Pháp chìm sâu nên cải lệnh Cửu Trùng. Huyền biết không thể ép, đành gật đầu ưng thuận. Đạo lần hồi truyền ra Trung thổ, danh vang khắp cõi xa. Chư Tăng nước ngoài đều hướng về Đông kính lễ. Nếu không phải do Đạo sâu Đức rộng thì đâu thể khiến hiển mặc đồng quy, người cõi ngoài kính nể. Vả lại Tân Kinh chưa biểu hiện, Luật Tạng nước Tấn lâu nay chưa sửa chánh, Thiên Pháp Cam lộ cả nước chưa được nghe, Thật tướng tông vốn có nhiều dị thuyết. Pháp sư nghĩ đến vận mạng dài lâu giúp đỡ quần sinh, bèn sai đệ tử đến thỉnh Thiên Sư, khảo tìm Kinh bản, vượt qua Thông Lãnh, dầm dãi sa mạc trải bao tháng rộng năm dài cuối cùng đều trở về mà có giáo pháp được truyền dịch đầy đủ. Thế nên các kinh Tâm Thiên xuất phát từ Lô Sơn không bao lâu có hơn trăm quyển. Lại vì tâm vốn không hai mà tức sắc, chỗ nói của ba nhà không cùng tột chỗ thật diệu. Bèn làm Pháp Tánh Luận, lời đẹp lý sâu riêng phơi bày hoài bảo. Ngài La-thập đọc Luận khen rằng: Người Hán chưa thấy Kinh mới mà lý đã ngầm hợp. Vả chẳng có sẵn trong lòng mà khéo dạy dỗ tất sẽ vang xa. Lời nói có chứng cứ đạo chơi rừng núi thì cảm hứng mới hoàn toàn. Dầu là chức vị gọi mời nhưng không tình lưu luyến, mặc tình hóa độ quần sinh khiến họ lưu tâm cửa giải thoát. Ấy gọi là ngôn hạnh đã phát ý lạc

hoàn toàn vậy. Từ khi gổ đá uống khe trước sau một mực đạm bạc tu hành trọn ba mươi năm. Xuân Thu tám mươi ba gổ thân nơi tuyết lãnh. Di chúc để lộ hài nơi rừng Tùng cho đồng với cỏ cây sinh hóa. Liễu đạt sinh tử đến thế là cùng! Lời xưa nói Người mất Đạo vẫn còn, đúng là Pháp sư đây vậy. Bọn phàm phu chúng ta cảm động về di phong tốt đẹp của ngài. Buồn thương dư âm sớm mất, dăm đầu đem thiển kiến của mình ca tụng công đức đá vàng cao cả? Có lời từ rằng: Chín dòng trái Chân, Tam Thừa quy Phật. Đạo sắp tuyệt tích do lòng từ cứu vớt chúng sinh, ai là người soi sáng làm mặt trời tuệ cho ta. Dùng định nhiếp loạn đem lực cải tà. Diệu pháp thường còn rõ ràng không mất, hoặc nhân thừa hưởng nhiều quả phúc. Xét ta xét vật biết hẹp biết rộng. Tâm thể rộng không dẫn dạy đồ chúng. Tần Hoàng nghi hoặc suốt lý thông tình. Vương Tôn ngộ giải thấu tử đạt sinh. Liễu ngộ của ngài nhiều kiếp khó tìm. Trên khế Phật Tông, dưới cứu muôn loài. Thượng cầu hạ hóa khó ai sánh bằng. Xưa ở Hưng Tích, nay Đức càng cao. Nối Pháp có người hoằng truyền hưng thịnh. Kiên độ luyện tập Cam lộ thấm nhuần. Luật Tạng phát huy Pháp tánh sáng tỏ. Kẻ phàm mong Đạo ngày càng hiểu nhân. Cảnh buồn mạng chung Tông nghiêng lý ngã. Lạnh nóng đổi thay buồn vui đắp đổi. Cỏ thu lã ngọn chim Xuân hót vang. Tùng cao riêng đứng, Tiếng Đức bay xa. Thời tiết dù có đổi dời, nhưng cảm tình vẫn nguyên vẹn.

*Ngày rằm tháng hai, mùa Xuân năm Nguyên Hy thứ hai. Khang Lạc Công  
Tạ Linh Vận.*

Sau bài văn bia này, còn một bài Văn bia nữa, tựa là: “Lô Sơn Pháp sư Ảnh Đường Bi” của Lý Diễn ở Lũng Tây soạn. Ngoài ra còn một bài khác tựa là “Đông lâm Ảnh Đường Lục Sự” của Sa-môn Khế Cao ở Đàm Tân.

Nhưng không dịch, vì thấy nó chỉ có tính cách văn chương cũng như cùng mục đích là ca tụng ngài Lô Sơn. Nhận thấy bớt đi cũng không làm hại chi cho tác phẩm.